toasoan@baobinhduong.vn

LTS: Để cung cấp thông tin phục vụ Đại hội Đảng bộ cấp tỉnh, thành phố, Báo Bình Dương trân trọng giới thiệu *"Những nội dung cốt lõi trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XII của Đảng"*. Nội dung tài liệu gồm 6 phần: Phần thứ nhất, nêu chủ đề và phương châm chỉ đạo của Đại hội XII. Phần thứ hai, đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011-2015) và nhìn lại 30 năm đổi mới (1986-2016); mục tiêu tổng quát và động lực phát triển đất nước 5 năm (2016-2020). Phần thứ ba, về kinh tế. Phần thứ tư, về văn hóa, xã hội và môi trường. Phần thứ năm, về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Phần thứ sáu, về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

NHỮNG NỘI DUNG CỐT LÕI TRONG DỰ THẢO CÁC VĂN KIỆN TRÌNH ĐẠI HỘI XII CỦA ĐẢNG

Phần thứ nhất

CHỦ ĐỀ VÀ PHƯƠNG CHÂM CHỈ ĐẠO CỦA ĐẠI HỘI XII

I. CHỦ ĐỀ ĐẠI HỘI XII

1. Sự cần thiết và yêu cầu đối với chủ đề đại hội

Trung ương đã thảo luận và thống nhất cần thiết phải có chủ đề đại hội. Đó là tư tưởng chỉ đạo, thể hiện mục tiêu cơ bản nhất và nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong nhiệm kỳ, có ý nghĩa quy tụ sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Chủ đề đại hội định hướng chung cho việc xây dựng các văn kiện của đại hội, cũng là tiêu đề của Báo cáo chính trị tại đại hội.

Chủ đề đại hội cần nêu những mục tiêu cơ bản nhất, bao quát nhất và những định hướng chủ yếu xuyên suốt thời gian 5 năm tới; có tính khái quát cao và ngắn gọn.

2. Nội dung các thành tố của chủ đề Đại hội XII

Cách tiếp cận chủ yếu trong xác định chủ đề đại hội là đi từ một số thành tố quan trọng gắn với những yêu cầu cơ bản và sát với những vấn đề bức xúc được đặt ra từ thực tiễn trong nhiệm kỳ đại hội.

Đại hội XI đã xác định chủ đề (đồng thời cũng là tiêu đề của Báo cáo chính trị) là: "Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".

Trên cơ sở một số phương án về chủ đề Đại hội XII do Tiểu ban Văn kiện và Bộ Chính trị trình, kế thừa Đại hội XI và để sát hợp với những vấn đề cơ bản và yêu cầu thực tiễn bức thiết đặt ra trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Trung ương thống nhất cao chủ đề Đại hội XII đề cập 5 thành tố với nội dung như sau:

- Về thành tố "sự lãnh đạo của Đảng"

Nội dung là: "tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh".

- Về thành tố "dân tộc, dân chủ"

Nội dung là: "phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa".

- Về thành tố "đổi mới"

Nội dung là: "đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới".

- Về thành tố: "bảo vệ Tổ quốc"

Nội dung là: "bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định".

- Về thành tố "mục tiêu xây dựng đất nước"

Nội dung là: "xây dựng nền tảng để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".

Nội dung 5 thành tố của Đại hội XII đã được Trung ương thống nhất thể hiện trong tiêu đề Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XII để Đại hội Đảng bộ các cấp thảo luận như sau: "Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; xây dựng nền tảng để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".

II. PHƯƠNG CHÂM CHỈ ĐẠO CỦA ĐẠI HỘI XII

1. Sự cần thiết và yêu cầu đối với phương châm chỉ đạo của đại hội

Trung ương đã thảo luận và thống nhất khẳng định cần nêu phương châm chỉ đạo của đại hội để xác định rõ tinh thần, trách nhiệm đối với các đại biểu tham dự đại hội (không phải là phương châm chỉ đạo của cả nhiệm kỳ).

Phương châm chỉ đạo của đại hội cần xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn; nội dung gọn, rõ, dễ nhớ.

2. Nội dung các thành tố phương châm chỉ đạo của Đại hội XII

Phương châm chỉ đạo của Đại hội XI được xác định là: "Đổi mới - Trí tuệ - Dân chủ - Đoàn kết".

Kế thừa phương châm chỉ đạo của Đại hội XI và để sát hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được đặt ra từ thực tiễn, Trung ương thống nhất nêu một số phương án về phương châm chỉ đạo của Đại hội XII để Đại hội Đảng các cấp tiếp tục thảo luận, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng là:

- "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới";
- "Đoàn kết - Dân chủ - Sáng tạo - Phát triển";
- "Bản lĩnh - Dân chủ - Kỷ cương - Đoàn kết".

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XI (2011-2015) VÀ NHÌN LẠI 30 NĂM ĐỔI MỚI (1986-2016); MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM (2016-2020)

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XI (2011-2015) VÀ NHÌN LẠI 30 NĂM ĐỔI MỚI (1986-2016)

1. Bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước tác động đến việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng

Để đánh giá chính xác kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, làm rõ những thành quả đạt được cũng như những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm, cần xem xét bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước về các mặt, những tác động thuận và không thuận, những thời cơ và thách thức đối với nước ta 5 năm qua. Có như vậy mới xác định rõ nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan của cả ưu điểm và khuyết điểm.

Dự thảo văn kiện đã nêu, tình hình thế giới, khu vực 5 năm qua diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường; đất nước đứng trước nhiều vấn đề mới, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen khó khăn, thách thức gay gắt.

Một số tình hình thế giới, khu vực tác động mạnh đến nước ta là:

- Kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo: Tháng 10-2010, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo kinh tế thế giới năm 2011 tăng 4,2%, giai đoạn 2012-2015 tăng 4,6%/năm; thực tế tăng trưởng kinh tế thế giới (theo Báo cáo của IMF vào tháng 1-2015) năm 2011 tăng 3,9%, năm 2012 tăng 3,2%, năm 2013 tăng 3,3%, năm 2014 tăng 3,3% và năm 2015 dự kiến tăng 3,5%. Khủng hoảng nợ công diễn ra trầm trọng hơn ở nhiều quốc gia. Nhiều nước tăng cường bảo hộ thương mại và sản xuất. Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu tác động làm cho mặt trái của chính sách kích cầu và những yếu kém nội tại của nền kinh tế bộc lộ nặng nề hơn.

- Khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi, nhiều nước; các nước lớn cạnh tranh quyết liệt giành ảnh hưởng trong khu vực. Tình hình phức tạp, căng thẳng ở biển Đông đe dọa nghiêm trọng hòa bình, ổn định và tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Ở trong nước, những thành tựu của công cuộc đổi mới đã tạo những điều kiện và tiền đề thuận lợi cho sự phát triển đất nước trong nhiệm kỳ 2011-2015. Giai đoạn 2006-2010 tăng trưởng kinh tế đạt 7%/năm. Nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm các nước đang phát triển có thu nhập trung bình và hoàn thành nhiều Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ.

Dự thảo văn kiện nêu một số điểm nổi bật của bối cảnh tình hình trong nước 5 năm qua là: Ngay từ đầu nhiệm kỳ, cùng với những ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, những hạn chế, khiếm khuyết vốn có của nền kinh tế chưa được giải quyết, những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, quản lý và những vấn đề mới phát sinh đã làm cho lạm phát tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định kinh tế vĩ mô, tốc độ tăng trưởng và đời sống nhân dân. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gây thiệt hại nặng nề. Nhu cầu bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội ngày càng cao. Đồng thời, chúng ta cũng phải dành nhiều nguồn lực để bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ chủ quyền đất nước trước những động thái mới của tình hình khu vực và quốc tế.

Trước diễn biến mới của tình hình, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã quyết định điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng; bảo đảm quốc phòng - an ninh và ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; tạo tiền đề vững chắc cho tăng trưởng cao hơn ở những năm cuối của kế hoạch 5 năm.

(Phụ trương)

2. Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011-2015)

Để đánh giá đúng, cần phải có các quan điểm tiếp cận khách quan (nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật), toàn diện (thấy cả mặt ưu điểm và khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan) và phát triển (xét trong trạng thái động, xu hướng của tình hình), gắn với thực tiễn và điều kiện lịch sử cụ thể của thế giới, khu vực và trong nước.

2.1. Thành quả và nguyên nhân

Khi đánh giá còn có ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng 5 năm qua trong điều kiện rất khó khăn, nhiều thách thức mà chúng ta đạt được những thành tích như vậy thì phải đánh giá rằng, chúng ta đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng. Ngược lại, có ý kiến cho rằng chỉ nên đánh giá là đạt được những kết quả nhất định.

Trên cơ sở nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật một cách toàn diện, Dự thảo đánh giá: "Nhìn tổng quát, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành quả quan trọng". Đánh giá như vậy là phù hợp, đúng mức, phản ánh được cả những nỗ lực, cố gắng của chúng ta trong bối cảnh khó khăn, phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, cũng như cả những yếu kém, khuyết điểm cần được khắc phục.

Những thành quả quan trọng được thể hiện trên các mặt sau đây:

- Lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô dần ổn định.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và phối hợp tốt hơn với chính sách tài khóa. Cơ bản bảo đảm được các cân đối lớn của nền kinh tế, lạm phát giảm từ 18,13% năm 2011 xuống còn khoảng 5% năm 2015, cán cân thương mại được cải thiện; cán cân thanh toán quốc tế thặng dư khá cao. Dự trữ ngoại hối đạt mức cao nhất từ trước tới nay.

- Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, từ năm 2013 dần phục hồi, năm sau cao hơn năm trước; chất lượng tăng trưởng được nâng lên.

Tăng trưởng kinh tế tuy thấp hơn 5 năm trước nhưng vẫn đạt tốc độ khá.

- Ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện; môi trường đầu tư kinh doanh và năng lực cạnh tranh có bước cải thiện. Phát triển nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ đạt được những kết quả tích cực. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đạt kết quả quan trọng.

- Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực bước đầu.

- Văn hóa, xã hội có bước phát triển, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.

- Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu có những chuyển biến tích cực.

- Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, hòa bình, ổn định được giữ vững để phát triển đất nước.

- Quan hệ đối ngoại, vị thế, uy tín quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được phát huy.

- Tiếp tục hoàn thiện quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đã xây dựng và thực thi Hiến pháp năm 2013; hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; cải cách hành chính đạt những kết quả tích cực; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được chú trọng.

- Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được chú trọng và đạt một số kết quả quan trọng - đặc biệt Nghị quyết Trung ương 4 "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" được triển khai thực hiện, đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, tạo tiền đề để đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng.

Những kết quả nêu trên tạo tiền đề quan trọng để nước ta tiếp tục phát triển nhanh, bền vững hơn trong giai đoạn mới.

Nguyên nhân của thành quả:

Những thành quả đạt được 5 năm qua có nhiều nguyên nhân.

- Nguyên nhân quan trọng nhất là sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy Đảng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, giải quyết kịp thời, có kết quả nhiều vấn đề mới phát sinh. Trước Đại hội XI, từ kết quả đạt được của giai đoạn 2006-2010 và do chưa lường hết được những khó khăn, thách thức nên những chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội đề ra cho 5 năm 2011-2015 là khá cao (như tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2011-2015 là 7,0 - 7,5%). Sau Đại hội XI, tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo. Trước diễn biến của tình hình, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã kịp thời điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho phù hợp với thực tế. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, giải pháp để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, nỗ lực phấn đấu để đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Coi trọng nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt, Trung ương đã ban hành Nghị quyết Trung ương 4 "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay", Nghị quyết Trung ương 7 về "Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới", Kết luận Hội nghị Trung ương 7 về "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở". Chú trọng nhiệm vụ phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội. Tại các Hội nghị Trung ương 6, 7, 8, 9 đã ban hành các nghị quyết về phát triển khoa học và công nghệ, về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, về giải quyết các vấn đề xã hội, về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam...

- Hoạt động của Quốc hội được đổi mới, nâng cao chất lượng, ngày càng đi vào thực chất, dân chủ; chất lượng ban hành luật, pháp lệnh được nâng lên, tăng cường công tác giám sát tối cao của Quốc hội; đã ban hành Hiến pháp năm 2013 có nhiều đổi mới, đáp ứng tốt hơn nguyện vọng của nhân dân; đã tổ chức thành công Hội nghị Liên minh nghị viện thế giới (IPU) lần thứ 132.

- Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp đã quản lý, điều hành năng động, thường xuyên bám sát diễn biến của tình hình để đưa ra các chủ trương, giải pháp phù hợp; quan tâm đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế và đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành nền kinh tế phù hợp với nền kinh tế thị trường.

- Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa để huy động các nguồn lực, các giai tầng xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đã chủ động và tích cực hội nhập quốc tế cả chiều rộng và đặc biệt đi vào chiều sâu, đem lại nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trước diễn biến phức tạp và nghiêm trọng của tình hình ở biển Đông, Đảng, Nhà nước ta đã có chủ trương và giải pháp phù hợp, kiên quyết đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và quan hệ hữu nghị với các nước để phát triển đất nước.

2.2. Những hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

Bên cạnh những thành quả quan trọng đạt được, chúng ta còn nhiều hạn chế, khuyết điểm:

- Đổi mới chưa đồng bộ và toàn diện.

- Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu phấn đấu để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được.

- Kinh tế vĩ mô ổn định nhưng chưa vững chắc; nợ công tăng nhanh, nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao; sản xuất, kinh doanh còn gặp rất nhiều khó khăn.

- Kinh tế tăng trưởng thấp hơn 5 năm trước, không đạt mục tiêu đề ra; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp.

- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hoàn thiện, chưa có cơ chế đột phá để thúc đẩy phát triển; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, tiếp tục là những yếu tố cản trở phát triển.

- Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm.

- Nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội chậm được khắc phục.

- Ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường còn bất cập.

- Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí... chưa được ngăn chặn và đẩy lùi; tội phạm và tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; đạo đức xã hội có mặt xuống cấp.

- Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nhiều mặt còn hạn chế. Quản lý xã hội còn một số mặt bất cập.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ; kỷ cương, phép nước chưa nghiêm.

- Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội chuyển biến chậm.

- Công tác dự báo, hoạch định và lãnh đạo tổ chức thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý phát triển xã hội còn nhiều bất cập.

- Hội nhập quốc tế có mặt chưa chủ động, hiệu quả chưa cao.

- Một số mặt trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội chuyển biến chậm.

Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động, đan xen lẫn nhau.

Nguyên nhân khách quan là do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu; thiên tai, dịch bệnh; những diễn biến mới phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, tình hình căng thẳng do tranh chấp chủ quyền trên biển Đông; sự chống phá của các thế lực thù địch.

Song nguyên nhân chủ quan là trực tiếp và quyết định nhất.

- Cuối nhiệm kỳ khóa X, kinh tế vẫn trên đà tăng trưởng, song một số khó khăn, hạn chế và những yếu kém vốn có của nền kinh tế đã bộc lộ, nhưng do chưa đánh giá và dự báo đầy đủ, nên Đại hội XI đề ra một số chỉ tiêu, nhiệm vụ khá cao.

- Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa giải đáp được kịp thời một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới.

- Nhiều hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, của đội ngũ cán bộ, đảng viên chậm được khắc phục.

- Chưa chú trọng đúng mức tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp khi tập trung thực hiện chủ trương kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Chưa quyết liệt trong việc chỉ đạo thực hiện một số chủ trương, quan điểm phát triển đã được nêu trong Nghị quyết Đại hội XI về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và các đột phá chiến lược, chưa tạo được cơ chế, chính sách có tính đột phá để huy động mọi nguồn lực cho phát triển.

- Năng lực dự báo còn hạn chế, cho nên một số chủ trương, chính sách, giải pháp đề ra chưa phù hợp.

3. Nhìn lại 30 năm đổi mới (1986-2016)

30 năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc lịch sử và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, to lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Sau 30 năm, chúng ta có điều kiện đánh giá khách quan, khoa học quá trình đổi mới đất nước, nhất là trong 10 năm gần đây, rút ra những bài học, tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên giành những thắng lợi mới.

Căn cứ Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới, Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XII của Đảng đã nêu một cách tổng quát những nội dung tổng kết.

3.1. Đánh giá tổng quát

Để đánh giá đúng đắn thành tựu của 30 năm đổi mới, cần quán triệt phương pháp luận duy vật biện chứng, xem xét

(Phụ trương)

quá trình đổi mới trong bối cảnh diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường của tình hình quốc tế, khu vực và đất nước đứng trước nhiều vấn đề mới, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức gay gắt; khẳng định những thành tựu, đồng thời cũng phải thấy hết những hạn chế, yếu kém để có phương hướng khắc phục, tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên.

20 năm đầu đổi mới (1986-2006), đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. 10 năm gần đây (2006-2016), dù phải trải qua nhiều khó khăn, thách thức, tốc độ tăng trưởng suy giảm, song đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần tập trung giải quyết, khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đây là một đánh giá khách quan, khoa học.

3.2. Thành tựu

- Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển.

- Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường.

- Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng; đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.

- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh.

- Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững.

- Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó tạo tiền đề quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

3.3. Hạn chế, khuyết điểm

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta còn nhiều hạn chế, khuyết điểm.

- Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn để tiếp tục làm rõ.

- Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới. Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

- Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

- Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như nguy cơ "tụt hậu xa hơn nữa về kinh tế" và nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông mạng internet để chống phá ta và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

Những hạn chế, khuyết điểm trên đây đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nỗ lực phấn đấu không ngừng để khắc phục, tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa.

3.4. Một số bài học của 30 năm đổi mới

Nhìn lại 30 năm đổi mới, từ những thành tựu cũng như những hạn chế, yếu kém, rút ra một số bài học sau:

Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh ngày nay là một sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp và lâu dài, nhưng đó là con đường hợp quy luật để có một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Sự nghiệp cách mạng đó đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải kiên định, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và không ngừng phát triển học thuyết, tư tưởng đó, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng, làm cơ sở phương pháp luận quan trọng nhất để phân tích tình hình, hoạch định và hoàn thiện đường lối đổi mới. Đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Hai là, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm "dân là gốc", vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân. Xa rời, đi ngược lợi ích của nhân dân, đổi mới sẽ thất bại. Chính những ý kiến, nguyện vọng chính đáng và sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là một nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Chính nhân dân là người làm nên những thành tựu của đổi mới. Đổi mới phải dựa vào nhân dân.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, phát triển đất nước. Xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân để nhân dân thực sự là chủ thể tiến hành đổi mới và thụ hưởng thành quả đổi mới. Đồng thời cần phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân. Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, cần phòng, chống đặc quyền, đặc lợi, chống suy thoái, biến chất trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Trong quá trình đổi mới phải tổ chức thực hiện quyết liệt với lộ trình, bước đi, hình thức, cách làm phù hợp, hiệu quả; khắc phục tình trạng nóng vội, duy ý chí, dẫn đến gây mất ổn định, thậm chí rối loạn, tạo cơ hội để các thế lực thù địch chống phá công cuộc đổi mới; ngược lại, phải chủ động, năng động, không ngừng sáng tạo, khắc phục tình trạng bảo thủ, trì trệ, bỏ lỡ cơ hội phát triển.

Coi sự phát triển của thực tiễn là yêu cầu và cơ sở để đổi mới tư duy lý luận, đường lối, chủ trương, cơ chế, chính sách. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, thường xuyên tổng kết thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới. Xa rời thực tiễn, lý luận đổi mới trở thành lý luận suông, không có sức sống.

Để dân tin, dân ủng hộ, dân thực hiện đường lối đổi mới, đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các thể chế, thiết chế, cơ chế, chính sách không còn phù hợp, cản trở phát triển; thực hiện nói đi đôi với làm.

Bốn là, phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Luôn luôn coi lợi ích quốc gia - dân tộc là tối thượng. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Phát huy sức mạnh dân tộc là cơ sở để kết hợp sức mạnh thời đại, làm cho sức mạnh toàn dân tộc mạnh hơn, dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Công cuộc đổi mới là sự nghiệp vĩ đại, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới. Tăng cường sự lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng.

Thường xuyên kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Sức mạnh của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng được bắt nguồn và được nhân lên từ sức mạnh của nhân dân. Củng cố, bồi dưỡng quan hệ máu thịt giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, trước hết là quan hệ giữa Đảng với nhân dân, là vấn đề trọng đại, cấp thiết, có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng Việt Nam.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM (2016-2020)

1. Dự báo tình hình thế giới và đất nước những năm sắp tới

Dự thảo văn kiện dự báo chung: Trên thế giới, trong những năm tới tình hình sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn.

Dự thảo văn kiện nêu những dự báo quan trọng về các mặt của tình hình thế giới những năm sắp tới:

- Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng.

- Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

- Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh mạng, chiến tranh cục bộ... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực.

- Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh,

(Phụ trương)

đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Các thể chế đa phương đứng trước những thách thức lớn. Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ đang đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Trong bối cảnh đó, tập hợp lực lượng, liên kết, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước trên thế giới và khu vực vì lợi ích của từng quốc gia tiếp tục diễn ra phức tạp.

- Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới.

- Kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn có nhiều biến động khó lường.

- Các quốc gia tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Biến động của giá cả thế giới, sự bất ổn về tài chính, tiền tệ và vấn đề nợ công tiếp tục gây ra những hiệu ứng bất lợi đối với nền kinh tế thế giới. Tương quan sức mạnh kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đang có nhiều thay đổi. Hầu hết các nước trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới thể chế kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng gay gắt. Xuất hiện nhiều hình thức liên kết kinh tế mới, các định chế tài chính quốc tế, khu vực, các hiệp định kinh tế song phương, đa phương thế hệ mới.

- Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp. ASEAN trở thành cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài.

Dự thảo văn kiện dự báo chung tình hình đất nước những năm tới: Ở trong nước, thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Dự thảo văn kiện nêu những dự báo quan trọng về các mặt của tình hình đất nước những năm tới là:

- 5 năm tới là thời kỳ Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải nỗ lực rất cao để tận dụng thời cơ, vượt qua những thách thức lớn trong quá trình hội nhập.

- Kinh tế từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc; nợ công tăng nhanh, nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế thấp.

- Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra tiếp tục tồn tại, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nguy cơ "diễn biến hòa bình" của thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp; khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

- Bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn.

- Tình hình chính trị - xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

Tình hình thế giới và trong nước tạo ra cả thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn, phức tạp hơn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn.

2. Phát huy các nhân tố tạo thành động lực để phát triển đất nước

Dự thảo văn kiện nêu yêu cầu phải tiếp tục thực hiện có kết quả các phương hướng, nhiệm vụ đúng đắn đã được đề ra trong các nghị quyết của Đảng, đồng thời đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, có bước đi phù hợp trên các lĩnh vực, nhất là giữa kinh tế và chính trị; tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực của đất nước, tạo động lực mới cho sự phát triển.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, cần nhận thức đúng và xử lý tốt các nhân tố tạo thành động lực: hài hòa lợi ích; phát huy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy nhân tố con người, vai trò của khoa học - công nghệ... tạo thành động lực tổng hợp để đổi mới và hội nhập.

- Động lực lợi ích. Lợi ích thúc đẩy con người hành động. Lợi ích bao gồm cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần, lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị... Cần có cơ chế và chính sách giải quyết mối quan hệ lợi ích, kết hợp hài hòa các lợi ích chung và riêng, lợi ích cá nhân, tập thể và Nhà nước...; quan tâm lợi ích thiết thân của người lao động; bảo đảm lợi ích và phương thức thực hiện lợi ích công bằng, hợp lý cho mọi người, cho các chủ thể, nhất là lợi ích kinh tế. Đồng thời kiên quyết đấu tranh chống các lợi ích bất chính, phi pháp, "lợi ích nhóm".

- Động lực lòng yêu nước, tinh thần dân tộc. Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần phát huy cao độ lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, ý thức tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí và bản lĩnh dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ vì sự nghiệp phát triển, phồn vinh của đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Động lực dân chủ. Dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển đất nước. Dân chủ là một động lực to lớn có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của cá nhân và cộng đồng. Phải đẩy mạnh thực hành dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết là dân chủ trong Đảng, coi trọng dân chủ ở cơ sở. Cần hoàn thiện các quy định, quy chế về phát huy dân chủ. Bảo đảm tốt các quyền làm chủ, quyền dân chủ, quyền công dân, quyền con người của nhân dân theo Hiến pháp năm 2013. Dân chủ phải gắn với kỷ cương, kỷ luật.

- Động lực đoàn kết, đại đoàn kết. Đoàn kết là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công". Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đặc biệt phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng có vai trò quyết định bảo đảm đoàn kết dân tộc và sự đồng thuận xã hội.

- Phát huy nhân tố con người với chất lượng trí tuệ cao, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức, nhân cách trung thực, trách nhiệm, nhân ái. Đây là cốt lõi của văn hóa, tạo sức mạnh nội sinh quan trọng của quá trình phát triển.

- Tiếp tục đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi để phát triển nhanh và bền vững. Cần kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm khơi gợi mọi tiềm năng của đất nước, xóa bỏ các rào cản, cơ chế kìm hãm sản xuất, kinh doanh để huy động các nguồn lực vật chất và tinh thần trong nhân dân.

Các động lực trên đây tạo thành một hệ thống động lực có tác động lẫn nhau, thúc đẩy đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước. Có thể coi đổi mới và hội nhập quốc tế là động lực tổng quát làm chuyển biến căn bản tình hình đất nước, được cụ thể hóa bởi những nhân tố tạo động lực nêu trên cần được khơi dậy và phát huy có hiệu quả bằng thể chế, chính sách và cơ chế cùng các điều kiện thực hiện.

3. Mục tiêu tổng quát trong nhiệm kỳ Đại hội XII

Căn cứ vào mục tiêu đã được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và mục tiêu đã nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020; căn cứ vào tình hình, kết quả 30 năm đổi mới; bám sát thực tiễn đất nước và những dự báo về tình hình quốc tế, khu vực đến năm 2020, Dự thảo Báo cáo chính trị đã xác định mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới là:

Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, xây dựng nền tảng để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Những mục tiêu tổng quát định hướng cho việc xác định các phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong 5 năm tới.

Phần thứ ba
VỀ KINH TẾ

I. VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ; ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

1. Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế là một chủ trương lớn, quan trọng xuyên suốt từ Đại hội XI của Đảng

Tăng trưởng kinh tế là mức tăng lượng của cải (tài sản) trong một thời kỳ nhất định. Tăng trưởng kinh tế là một nội dung kinh tế cốt lõi của phát triển kinh tế.

Phân chia theo các nhân tố sản xuất, có mô hình tăng trưởng theo chiều rộng và mô hình tăng trưởng theo chiều sâu.

Đặc trưng của mô hình tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng là: Tổng sản phẩm trong nước tăng nhờ huy động ngày càng nhiều các yếu tố sản xuất như vốn tài chính, đất đai, tài nguyên được khai thác thêm và lao động vào các lĩnh vực sản xuất. Tăng trưởng theo chiều rộng bị giới hạn bởi quy mô các nguồn lực đầu vào; trong khi đó năng suất lao động không tăng hoặc tăng không đáng kể.

Đặc trưng quan trọng nhất của mô hình tăng trưởng chủ yếu theo chiều sâu là tăng trưởng kinh tế dựa chủ yếu vào tăng năng suất lao động nhờ lực lượng lao động được đào tạo, có tay nghề cao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ. Vai trò của nhân tố năng suất tổng hợp của tất cả các yếu tố sản xuất có ý nghĩa to lớn, chủ yếu, quyết định đối với tăng trưởng kinh tế. Trong tăng trưởng theo chiều sâu, độ gia tăng nhiều hơn tổng phần tăng của các yếu tố sản xuất đầu vào, do áp dụng ngày càng nhiều các tiến bộ khoa học - công nghệ, tri thức quản lý kinh doanh, vốn và tài nguyên được sử dụng có hiệu quả

(Phụ trương)

hơn và trình độ lao động ngày càng cao nhờ đẩy mạnh giáo dục và đào tạo.

Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế có quan hệ chặt chẽ. Muốn đổi mới mô hình tăng trưởng, phải thực hiện mạnh mẽ cơ cấu lại nền kinh tế; muốn cơ cấu lại nền kinh tế đúng hướng và đạt hiệu quả, phải thực hiện gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng.

Đại hội XI nhận định, trong 5 năm (2006-2010), "nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển", "cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Tuy nhiên, "kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ hội và yêu cầu phát triển của đất nước"; "Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng dựa vào tăng đầu tư, khai thác tài nguyên", "Cơ cấu kinh tế giữa các ngành, lĩnh vực chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm. Cơ cấu trong nội bộ từng ngành cũng chưa thật hợp lý. Năng suất lao động xã hội thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Năng lực cạnh tranh quốc gia chậm được cải thiện"; "Các chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) và chuyển dịch cơ cấu kinh tế không đạt kế hoạch Đại hội X đề ra".

Đại hội XI đã xác định một trong những nhiệm vụ chủ yếu của nhiệm kỳ là: "Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững...".

Về mô hình tăng trưởng, Đại hội XI chủ trương: "Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững".

Về cơ cấu lại nền kinh tế, Đại hội XI xác định: "Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại và điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế".

Với quan điểm "Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt", Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã xác định: "Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức"; "Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế tri thức".

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Khái quát tình hình triển khai Nghị quyết Đại hội XI về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:

Chủ trương của Đại hội XI về đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nhìn chung đã đạt được sự đồng thuận của toàn hệ thống chính trị và nhân dân.

Đảng, Nhà nước, cả hệ thống chính trị và toàn dân ta đã có nhiều cố gắng trong triển khai thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; ban hành nhiều cơ chế, chính sách, giải pháp để thực hiện Nghị quyết Đại hội XI và các nghị quyết của Trung ương phù hợp với tình hình mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, Hội nghị Trung ương 3 khóa XI đã tiếp tục xác định rõ và cụ thể: "Cơ cấu lại nền kinh tế phải gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh"; "Trong 5 năm tới, cần tập trung vào ba lĩnh vực quan trọng nhất: Tái cơ cấu đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính; tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty Nhà nước" (Kết luận số 10-KL/TW, ngày 18-10-2011).

Hội nghị Trung ương 8 khóa XI nhấn mạnh: "Tiếp tục đẩy mạnh ba trọng tâm tái cơ cấu..."; "Triển khai có hiệu quả đề án tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới" (Kết luận số 74-KL/TW, ngày 17-10-2013).

Bộ Chính trị đã có Thông báo kết luận số 121-TB/TW, ngày 20-12-2013 về Đề án xử lý nợ xấu của hệ thống tín dụng.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế đã được thể chế hóa và tổ chức thực hiện như một nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2011-2015.

Quốc hội và Chính phủ đã tổ chức triển khai, thể chế và cụ thể hóa thành các chương trình, đề án, nhiệm vụ trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2011-2015.

Nghị quyết Quốc hội số 10/2011/QH13, ngày 8-11-2011 đã nhấn mạnh: "Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, thực hiện đồng bộ trong tất cả các ngành, các lĩnh vực trên phạm vi cả nước và từng địa phương, đơn vị cơ sở, sản phẩm chủ yếu, với tầm nhìn dài hạn và có lộ trình cụ thể". Nghị quyết Quốc hội số 11/2011/QH13, ngày 9-11-2011 đã "giao Chính phủ khẩn trương hoàn thành đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; thực hiện đồng bộ theo lộ trình thích hợp trong tất cả các ngành, các lĩnh vực trên phạm vi cả nước".

Trên cơ sở các nghị quyết của Đảng và Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 399/QĐ-TTg, ngày 19-2-2013 phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng giai đoạn 2013-2020 và các nghị quyết, quyết định phê duyệt đề án tái cơ cấu các ngành, chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế.

Hầu hết các bộ, ngành Trung ương đã thành lập ban chỉ đạo tái cơ cấu ngành và ban hành chương trình hành động cụ thể để triển khai thực hiện. Đa số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã thành lập Ban Chỉ đạo tái cơ cấu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Trưởng ban; xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Trung ương và quyết định, chỉ thị của Chính phủ.

Những kết quả quan trọng và những hạn chế, khuyết điểm được nêu trong Dự thảo văn kiện là:

Về những kết quả đạt được:

- Đánh giá chung về kết quả đạt được: Mô hình tăng trưởng từ chủ yếu theo chiều rộng đã bước đầu có sự chuyển biến sang kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu; đã hình thành những mô hình mới và cách làm mới, sáng tạo. Với việc cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện ba đột phá chiến lược, nhất là trên một số lĩnh vực trọng tâm, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế có bước cải thiện; bảo đảm hài hòa hơn giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, từ năm 2013 dần phục hồi, năm sau cao hơn năm trước; chất lượng tăng trưởng được nâng lên:

Tăng trưởng GDP năm 2011 đạt 6,24%, năm 2012: 5,25%, năm 2013: 5,42%, năm 2014: 5,98% và kế hoạch năm 2015 là 6,2%.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm đạt 5,82%/năm. Quy mô và tiềm lực của nền kinh tế tiếp tục tăng lên; GDP năm 2015 đạt khoảng 204 tỷ USD, bình quân đầu người khoảng 2.200 USD.

Sản xuất công nghiệp từng bước phục hồi; chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2014-2015 tăng trên 7,5%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu công nghiệp tăng mạnh. Khu vực nông nghiệp phát triển ổn định, giá trị sản xuất tăng bình quân 3,9%/năm; độ che phủ rừng đạt khoảng 42% vào năm 2015. Giá trị gia tăng khu vực dịch vụ tăng khá, đạt bình quân 6,5%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 14,7%/năm (loại trừ yếu tố giá tăng khoảng 6,5%). Tổng doanh thu từ khách du lịch tăng bình quân 21%/năm; khách quốc tế đạt khoảng 8,7 triệu lượt vào năm 2015.

- Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được kết quả bước đầu:

Đã triển khai thực hiện đề án cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng, đạt trên 83% vào năm 2015. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm, còn khoảng 46,5%.

Tập trung thực hiện cơ cấu lại về đầu tư công, hệ thống các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Nhà nước và tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; triển khai đề án tái cơ cấu ngành công thương, xây dựng.

Hiệu quả đầu tư có bước được cải thiện; tỷ lệ tổng đầu tư toàn xã hội so với GDP giảm mạnh (còn 31% GDP), nhưng vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng hợp lý. Tỷ trọng đầu tư công giảm dần, đầu tư ngoài Nhà nước tăng lên; đầu tư trực tiếp nước ngoài phục hồi, vốn đăng ký giai đoạn 2011-2015 đạt trên 88 tỷ USD, thực hiện đạt 58,5 tỷ USD. Vốn ODA ký kết khoảng 30 tỷ USD, giải ngân khoảng 23 tỷ USD, đóng góp quan trọng vào phát triển kết cấu hạ tầng; đầu tư tư nhân trong nước tiếp tục tăng, chiếm khoảng 42% tổng đầu tư toàn xã hội.

Khẩn trương cơ cấu lại các tổ chức tín dụng; giám sát chặt chẽ và sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém, có nguy cơ đổ vỡ; tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, bảo đảm an toàn hệ thống; tỷ lệ nợ xấu giảm dần, đến cuối năm 2015 còn khoảng 3%. Các công ty tài chính, chứng khoán, bảo hiểm từng bước được cơ cấu lại; quy mô thị trường ngày càng tăng, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt khoảng 33% GDP, thị trường trái phiếu đạt khoảng 23% GDP vào cuối năm 2015.

Cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước đạt được những kết quả tích cực. Doanh nghiệp Nhà nước cơ bản thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; tập trung hơn vào những lĩnh vực then chốt, quốc phòng - an ninh, cung ứng hàng hóa và dịch vụ công thiết yếu; cổ phần hóa và thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo cơ chế thị trường được đẩy mạnh; vốn Nhà nước được bảo toàn và phát triển; giá trị tài sản tăng; tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu trong giới hạn quy định; các doanh nghiệp sau cổ phần hóa đều đạt hiệu quả sản xuất, kinh doanh tốt hơn.

Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực; sản lượng lương thực tăng ổn định, sản lượng lúa năm 2015 đạt trên 45 triệu tấn; đến hết năm 2015 có khoảng 1.800 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 20% tổng số xã.

Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch tích cực; tỷ trọng công nghiệp khai khoáng giảm; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng, đạt khoảng 60% vào năm 2015. Tập trung cơ cấu lại ngành, lĩnh vực và sản phẩm theo hướng nâng cao giá trị quốc gia, giá trị gia tăng, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm; từng bước tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Đóng góp của ngành dịch vụ vào tăng trưởng ngày càng tăng; tỷ trọng dịch vụ trong GDP đạt khoảng 44% vào năm 2015. Đã tập trung phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao.

Quy hoạch phát triển ngành, vùng, sản phẩm được rà soát, điều chỉnh phù hợp hơn với kinh tế thị trường. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 6 vùng kinh tế - xã hội, 4 vùng kinh tế trọng điểm. Hỗ trợ phát triển vùng khó khăn, nhất là Tây Bắc, Tây nguyên, Tây Nam bộ và phía Tây các tỉnh miền Trung. Phát triển hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu.

Tập trung thực hiện Chiến lược biển. Đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển, nhất là khai thác dầu khí, vận tải biển, cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, du lịch biển, nuôi trồng thủy sản; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá và đẩy mạnh khai thác xa bờ. Gắn phát triển kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

(Phụ trương)

Kết quả bước đầu của cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng là: Hiệu quả đầu tư xã hội, đầu tư công từng bước được cải thiện, tình trạng đầu tư dàn trải bước đầu được hạn chế. Hệ thống các tổ chức tài chính - tín dụng được cơ cấu lại một bước, không để xảy ra tình trạng đổ vỡ, mất an toàn hệ thống. Doanh nghiệp Nhà nước đang được sắp xếp, đổi mới theo hướng tập trung vào ngành chính, đẩy mạnh cổ phần hóa, triển khai thực hiện mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả hoạt động.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiếp tục được đẩy mạnh, đạt một số thành quả: Công nghệ sản xuất công nghiệp đã có bước thay đổi về trình độ theo hướng hiện đại. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong giá trị sản xuất công nghiệp tăng, tỷ trọng công nghiệp khai thác giảm dần. Khu vực thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá; cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn có chuyển biến, mức độ cơ giới hóa trong nông nghiệp tăng; nông nghiệp phát triển toàn diện hơn theo hướng khai thác những lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ. Cơ cấu kinh tế vùng được quan tâm, có sự chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, địa phương. Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch tích cực; chất lượng nguồn nhân lực bước đầu cải thiện. Đội ngũ doanh nhân tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng đã có những đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển; quá trình đô thị hóa diễn ra khá nhanh. Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, góp phần thúc đẩy quá trình tham gia vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao giá trị gia tăng của nền kinh tế.

Những hạn chế, khuyết điểm:

- Đánh giá chung về hạn chế, khuyết điểm: Nền kinh tế vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố về vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp, chưa dựa nhiều vào tri thức, khoa học và công nghệ, lao động có chất lượng cao. Năng suất lao động chậm được cải thiện, thấp hơn nhiều so với một số nước trong khu vực. Đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế còn thấp. Chưa phát huy được lợi thế so sánh và tận dụng các cam kết hội nhập quốc tế để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững. Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm:

Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đầu vào sản xuất của một số ngành còn lệ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Sản xuất, kinh doanh chưa gắn kết được nhiều với mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Xuất khẩu thô, xuất khẩu dưới hình thức gia công còn lớn; hàm lượng giá trị quốc gia và giá trị gia tăng còn thấp.

Đổi mới công nghệ và phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao còn chậm. Năng suất lao động còn thấp. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ đạt khoảng 18% GDP vào năm 2015, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Chưa phát triển được nhiều sản phẩm có giá trị công nghệ cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới còn chậm và kết quả đạt được chưa đồng đều. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu. Hợp tác liên kết trong sản xuất nông nghiệp phát triển còn chậm. Chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất nông nghiệp chưa cao; năng suất lao động và thu nhập của người nông dân còn thấp. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn lớn.

Nhiều ngành dịch vụ phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học, công nghệ cao. Hệ thống phân phối còn nhiều bất cập, chi phí trung gian lớn, chưa kết nối thông suốt, hiệu quả và chưa bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ. Phát triển du lịch còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chất lượng dịch vụ còn thấp, tính chuyên nghiệp trong hoạt động dịch vụ chưa cao.

Một số vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế chưa phát huy được vai trò đầu tàu cho tăng trưởng kinh tế. Không gian phát triển còn bị chia cắt theo địa giới hành chính. Thiếu thể chế tạo liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng để phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế.

Cơ cấu lại đầu tư công ở một số ngành, địa phương còn chưa đáp ứng yêu cầu; đầu tư còn dàn trải, hiệu quả còn thấp, thất thoát, lãng phí ở một số dự án còn lớn; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản còn chậm. Cơ chế, chính sách chưa đủ sức hấp dẫn để huy động nguồn lực tư nhân trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; chậm hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với hình thức hợp tác công - tư (PPP). Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa quan tâm nhiều đến công nghệ, tỷ lệ nội địa hóa và bảo vệ môi trường.

Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng mới thực hiện được giai đoạn đầu. Chất lượng tín dụng và dịch vụ ngân hàng cải thiện còn chậm. Cơ cấu tín dụng chưa thật phù hợp với yêu cầu phát triển. Năng lực tài chính, quản trị, kiểm tra, giám sát nội bộ của một số tổ chức tín dụng còn yếu, nợ xấu còn cao. Sở hữu và hoạt động của một số ngân hàng thương mại cổ phần thiếu minh bạch, có mặt chưa phù hợp với thông lệ quốc tế.

Cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước, cổ phần hóa, thoái vốn ở một số doanh nghiệp chưa đạt tiến độ. Tỷ lệ vốn được cổ phần hóa còn thấp. Quản trị doanh nghiệp đổi mới còn chậm; kiểm tra, giám sát nội bộ còn hạn chế. Việc cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường chậm, chưa đạt mục tiêu đề ra. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp Nhà nước thấp, chưa tương xứng với tài sản và nguồn lực, thất thoát, lãng phí còn lớn. Doanh nghiệp Nhà nước chưa thể hiện rõ vai trò là lực lượng nòng cốt của kinh tế Nhà nước.

- Nhiều tiêu chí để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại dự kiến không đạt, như GDP bình quân đầu người, tỷ trọng công nghiệp chế tạo và tỷ trọng nông nghiệp trong GDP, tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, điện sản xuất bình quân đầu người, chỉ số phát triển con người, chỉ số bất bình đẳng thu nhập, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch.

Đến năm 2020, dự kiến có 10/15 chỉ tiêu không đạt tiêu chí các nước công nghiệp: GDP bình quân đầu người đạt 3.200 - 3.500 USD theo giá thực tế (theo tiêu chí nước công nghiệp là trên 5.000 USD, giá năm 2010); tỷ trọng công nghiệp chế tạo trong GDP đạt 15% (theo tiêu chí: trên 20%); tỷ trọng nông nghiệp trong GDP dự kiến đạt 15% (theo tiêu chí: dưới 10%); tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt 35 - 40% (theo tiêu chí: 20 - 30%); tỷ lệ đô thị hóa đạt 38 - 40% (theo tiêu chí: trên 50%); điện sản xuất bình quân đầu người đạt 2.800 kWh/người (theo tiêu chí: trên 3.000 kWh/người); chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,67 (theo tiêu chí: trên 0,7); chỉ số bất bình đẳng thu nhập (Gini) khoảng 0,38 - 0,4 (theo tiêu chí: 0,32 - 0,38); tỷ lệ lao động qua đào tạo (có bằng cấp, chứng chỉ) trong tổng lao động xã hội đạt 25 - 26% (theo tiêu chí: trên 55%); tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch dưới 92% (theo tiêu chí: 100%).

Về nguyên nhân, những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do nhận thức, nhất là nhận thức về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa đầy đủ; thể chế hóa và tổ chức thực hiện còn chậm, thiếu hệ thống và đồng bộ. Chưa có đột phá về thể chế để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường. Chưa xác định rõ những ngành, lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần ưu tiên trong chính sách công nghiệp quốc gia cho từng giai đoạn; thiếu gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa với đô thị hóa, giữa phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn với xây dựng nông thôn mới. Chưa nhận thức đầy đủ và xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Chưa chuẩn bị thật tốt các điều kiện cần thiết và tận dụng thời cơ để hội nhập quốc tế có hiệu quả; có lúc, có việc chưa gắn chặt với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

3. Về phương hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Dự thảo văn kiện đã nêu định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nhiệm kỳ tới như sau:

Định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng:

- Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển nhanh, bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững; giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thân thiện với môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Về nguồn lực tăng trưởng: Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và vốn đầu tư sang phát triển đồng thời dựa cả vào vốn đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước. Phát huy vai trò quyết định của nội lực, đồng thời thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp FDI và khu vực sản xuất nông nghiệp.

- Động lực và cũng là điều kiện để đổi mới mô hình tăng trưởng là: Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy nghiên cứu và triển khai (R&D), nhập khẩu công nghệ mới tiên tiến; thực hiện phương thức quản lý, quản trị hiện đại; phát huy tiềm năng con người và khuyến khích tinh thần sản xuất, kinh doanh của mọi người để chủ động khai thác triệt để lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng, tăng nhanh giá trị quốc gia và tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Định hướng cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng:

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng: Cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính, từng bước cơ cấu lại ngân sách Nhà nước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế và cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực. Cụ thể là:

- Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống của nông dân.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp, xây dựng bình quân khoảng 7,5%/năm; đến năm 2020 tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP khoảng 40%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP khoảng 25%, trong đó công nghiệp chế tạo khoảng 15%.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 7 - 7,5%/năm. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP khoảng 45% vào năm 2020. Ưu tiên phát triển những ngành dịch vụ có lợi

(Phụ trương)

thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.

- Phát triển các vùng và khu kinh tế. Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa các vùng để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; tạo điều kiện phát triển các khu vực còn nhiều khó khăn, nhất là miền núi, biên giới, hải đảo, Tây Bắc, Tây nguyên, Tây Nam bộ và phía Tây các tỉnh miền Trung; lựa chọn một số khu có lợi thế đặc biệt để xây dựng đặc khu kinh tế với thể chế vượt trội, hiệu lực, hiệu quả, có khả năng cạnh tranh quốc tế...

- Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động theo cơ chế thị trường, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; doanh nghiệp Nhà nước tập trung vào những lĩnh vực quan trọng và địa bàn chiến lược. Tạo mọi điều kiện thuận lợi phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân để tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Rà soát, sửa đổi pháp luật, chính sách để thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, nhất là các dự án có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sản phẩm có giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa cao, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế. Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia. Tạo điều kiện hình thành những tổ hợp nông - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại:

Xác định hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Chú trọng những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế (GDP bình quân đầu người, tỷ trọng giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, tỷ trọng nông nghiệp, tỷ lệ đô thị hóa, điện bình quân đầu người...); những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển về mặt xã hội (chỉ số phát triển con người, tuổi thọ bình quân, chỉ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập, số bác sĩ trên 1 vạn dân, tỷ lệ lao động qua đào tạo...); và những tiêu chí phản ánh trình độ phát triển về môi trường (tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, độ che phủ rừng, tỷ lệ giảm mức phát thải khí nhà kính...).

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Quan điểm phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nội dung lớn trong đường lối đổi mới của Đảng ta

Qua các nhiệm kỳ đại hội, từ Đại hội VI đến Đại hội XI, quan điểm của Đảng ta về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không ngừng được phát triển, ngày càng hoàn thiện.

Đại hội IX của Đảng đã khẳng định đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xem đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội X của Đảng tiếp tục khẳng định đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chỉ ra những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

Đại hội XI đã đưa vào Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) quan điểm về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: "Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối", "Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế Nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân", "Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa".

Về mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, đã từng có quan điểm cho rằng nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (hay nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa như cách diễn đạt ngày nay) không phải và không thể là kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường; đồng nhất kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường với kinh tế tư bản chủ nghĩa. Chính sự phủ định, đối lập chủ nghĩa xã hội với kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường đã làm cho nền kinh tế nước ta trước đổi mới, cũng như một số nước muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, rơi vào trạng thái trì trệ, khủng hoảng.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xem đây là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đã đem lại những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, chế độ xã hội chủ nghĩa, đưa đất nước ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đại hội XI đã đề ra các chủ trương về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường; phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường; nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Dự thảo văn kiện đã nêu đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như sau:

Đánh giá những kết quả đạt được:

- Đánh giá chung: Ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực; trong đó thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện; môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh có bước được cải thiện.

- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tiếp tục được hoàn thiện. Hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện. Đã ban hành và triển khai thực thi Hiến pháp năm 2013. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định cụ thể hơn, từng bước thực thi có hiệu quả và tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

- Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, cạnh tranh minh bạch, bình đẳng hơn giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, góp phần huy động, phân bổ và sử dụng ngày càng hiệu quả các nguồn lực trong, ngoài nước cho phát triển kinh tế - xã hội. Vai trò kinh tế ngoài Nhà nước (không kể đầu tư nước ngoài) ngày càng được phát huy, đóng góp 39% tổng đầu tư toàn xã hội và khoảng 50% GDP. Vai trò, hiệu quả, sức cạnh tranh của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế được nâng lên.

- Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ hơn, gắn kết với thị trường ngoài nước. Hầu hết các loại giá được xác lập theo nguyên tắc thị trường; thực hiện cơ chế giá thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với một số loại hàng hóa - dịch vụ thiết yếu, gắn với hỗ trợ các đối tượng chính sách, hộ nghèo, vùng có nhiều khó khăn.

- Vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế - xã hội. Việc huy động và phân bổ các nguồn lực gắn với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã từng bước phù hợp với cơ chế thị trường; hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

- Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, từng bước thích ứng với nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu. Đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế. Tích cực xây dựng Cộng đồng ASEAN; hoàn thiện thị trường trong nước đầy đủ hơn theo cam kết WTO; đàm phán, ký kết và thực hiện nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương thế hệ mới.

Những hạn chế, yếu kém:

- Hoàn thiện thể chế kinh tế còn chậm, thiếu kiên quyết; hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, chất lượng không cao, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện ba đột phá chiến lược. Nhiều quy định trong hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách và quản lý điều hành chưa tuân thủ đầy đủ quy luật của kinh tế thị trường, nhất là trong phân bổ nguồn lực, quản lý giá hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu và chưa bảo đảm cạnh tranh bình đẳng.

- Kết quả triển khai, thực thi thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn hạn chế, chưa tạo được đột phá lớn trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển. Quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ; môi trường đầu tư, kinh doanh không thật sự bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Giá cả một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu chưa thật sự tuân theo nguyên tắc thị trường.

- Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kém hiệu quả, chưa thể hiện được vai trò là lực lượng nòng cốt của kinh tế Nhà nước. Hầu hết doanh nghiệp tư nhân quy mô còn nhỏ, thiếu liên kết, khả năng ứng phó với các rủi ro yếu, nhiều doanh nghiệp phá sản, phải giải thể hoặc ngừng hoạt động. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động chủ yếu trong các ngành sử dụng nhiều lao động phổ thông, khai thác cạn kiệt tài nguyên và còn hạn chế trong chuyển giao công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến.

- Trình độ phát triển của các loại thị trường thấp, vận hành chưa thật sự đồng bộ, thông suốt, trong đó, thị trường lao động và thị trường dịch vụ công cơ cấu chưa hợp lý; thị trường tài chính - tiền tệ và thị trường bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; thị trường khoa học - công nghệ phát triển chậm.

- Quản lý nhà nước chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Cải cách hành chính và năng lực tạo dựng thể chế để bảo đảm cho doanh nghiệp, người dân tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế thị trường còn nhiều hạn chế. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm; Nhà nước còn can thiệp trực tiếp, quá lớn trong nền kinh tế. Vẫn còn tình trạng bao cấp, xin - cho trong xây dựng và thực hiện một số cơ chế, chính sách. Sự tham gia giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong hoạt động quản lý nhà nước còn hạn chế.

- Hội nhập kinh tế quốc tế chưa kết hợp và phát huy tốt nguồn lực bên ngoài với nguồn lực trong nước để phát triển. Các nỗ lực đổi mới kinh tế trong nước chưa thật sự đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Nhiều bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp thiếu chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch toàn diện, cụ thể, chuẩn bị các điều kiện và năng lực về mọi mặt để khắc phục khó khăn, thách thức, tận dụng cơ hội do hội nhập đem lại. Việc tự do hóa thương mại, đầu tư trong một số thị trường, lĩnh vực chưa sát hợp với thực tế phát triển của nền kinh tế. Chậm xây dựng hàng rào kỹ thuật cần thiết và hệ thống quản lý thị trường đủ năng lực và hiệu quả để bảo vệ thị trường trong nước, duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, ngăn chặn gian lận thương mại, hàng giả, hàng lậu và hàng độc hại.

Về nguyên nhân, những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do: Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chưa đủ rõ, nhất là về kinh tế Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước, kinh tế tập thể, cơ chế phân bổ nguồn lực, sở hữu đất đai, cơ chế giá một số hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu. Chưa thật sự phát huy đầy đủ quyền tự do kinh doanh của người dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật. Cơ chế thực thi và phối kết hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật còn kém hiệu lực, hiệu quả. Cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát và xử lý vi phạm còn yếu; năng lực phân tích, dự báo và điều chỉnh chủ trương, cơ chế, chính sách còn hạn chế. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, đất nước chịu tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, trong khi đó, trình độ, năng

(Phụ trương)

lực nội tại của nền kinh tế và năng lực xây dựng, thực thi thể chế kinh tế còn nhiều bất cập.

3. Về phương hướng hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Dự thảo văn kiện đã nêu phương hướng hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ tới như sau:

- Cần tiếp tục thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; có giá trị định hướng lâu dài trong suốt thời kỳ quá độ, cần tiếp tục cụ thể hóa phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Dự thảo văn kiện đã xác định đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Dự thảo văn kiện cũng đã nêu khái quát về các bộ phận cấu thành, vai trò của thị trường, vai trò của Nhà nước, vai trò của nhân dân và mục tiêu bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực Nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và công cụ, chính sách để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Cách thể hiện như trên đã khái quát những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể là:

Về vai trò của kinh tế thị trường, thể hiện ở bốn điểm: Vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường; thị trường đóng vai trò chủ yếu phân bổ nguồn lực phát triển; thị trường là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đều phù hợp với cơ chế thị trường.

Về định hướng xã hội chủ nghĩa, thể hiện ở năm điểm: Có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội; xác lập quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp để thúc đẩy phát triển mạnh lực lượng sản xuất và nhất là: Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

Về vai trò của Nhà nước, thể hiện ở bốn điểm: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý nền kinh tế thị trường; nguồn lực Nhà nước được Nhà nước phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp cơ chế thị trường; Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch; Nhà nước sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và công cụ, cơ chế, chính sách để định hướng, điều tiết nền kinh tế; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

Vấn đề "kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo" đã được thống nhất khẳng định trong Cương lĩnh và Hiến pháp. Trong khi khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, cũng xác định: "trong đó, kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo".

Kinh tế Nhà nước gồm nguồn lực Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước.

Doanh nghiệp Nhà nước, cũng như doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Trong Dự thảo văn kiện đã nêu: Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước. Doanh nghiệp Nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng - an ninh; những lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác không đầu tư.

Còn các nguồn lực Nhà nước (tài nguyên, đất đai, ngân sách Nhà nước, các quỹ dự trữ quốc gia...), cùng với các công cụ, cơ chế, chính sách được Nhà nước sử dụng để định hướng, điều tiết nền kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Thực tiễn ở nước ta, khi các nguồn lực của Nhà nước cùng với các cơ chế, chính sách tập trung vào lĩnh vực, địa bàn nào thì dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển ở lĩnh vực, địa bàn đó.

Với ý nghĩa quan trọng như vậy, kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo; doanh nghiệp Nhà nước chỉ là một bộ phận của kinh tế Nhà nước, hoạt động theo cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác và được cơ cấu lại như đã nêu ở trên.

- Mục tiêu đến năm 2020 là:

Phấn đấu cơ bản hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tính dự báo được trong xây dựng và thực thi thể chế kinh tế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển, vận hành thông suốt, hiệu quả các loại thị trường và bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phân bổ nguồn lực cho sản xuất, kinh doanh và quản lý giá phải theo cơ chế thị trường. Đồng thời, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước, các công cụ điều tiết, chính sách phân phối, phân phối lại để thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Phương hướng tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp:

Thể chế hóa quyền tài sản (bao gồm quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ sử dụng tài sản) của Nhà nước, tổ chức và cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người dân theo quy định của pháp luật. Bảo đảm minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính Nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt. Bảo đảm quyền quản lý, thu lợi của Nhà nước đối với tài sản công và quyền bình đẳng trong việc tiếp cận tài sản công của mọi chủ thể trong nền kinh tế. Nâng cao năng lực của các thiết chế và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh tế trong bảo vệ quyền tài sản.

Mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Có chính sách thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp Việt Nam thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà luật pháp không cấm; xây dựng, thực thi đồng bộ, hiệu quả cơ chế hậu kiểm, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền Nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, kiểm soát độc quyền kinh doanh. Hoàn thiện thể chế bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu và quyền tài sản. Hoàn thiện pháp luật phá sản doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.

Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường. Đẩy mạnh cổ phần hóa, bán vốn mà Nhà nước không cần nắm giữ, bao gồm cả những doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả; hoàn thiện thể chế định giá đất đai, tài sản hữu hình và tài sản vô hình (tài sản trí tuệ, thương hiệu...) trong cổ phần hóa theo nguyên tắc thị trường. Tách bạch nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh với nhiệm vụ chính trị, công ích và nhiệm vụ quốc phòng - an ninh.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã; đẩy mạnh liên kết và hợp tác dựa trên quan hệ lợi ích, áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước có cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác xã trên cơ sở phát triển và phát huy vai trò của kinh tế hộ. Đồng thời với quá trình hoàn thiện thể chế, cần có sự chỉ đạo quyết liệt hơn trong tổ chức thực hiện.

Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh với sở hữu hỗn hợp, nhất là các doanh nghiệp cổ phần.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế Nhà nước.

Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; chủ động lựa chọn và ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu, có liên kết với doanh nghiệp trong nước. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Trong quản lý và phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cần phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước, đồng thời kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực theo quy định của pháp luật.

- Phương hướng phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường:

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu; đồng thời có chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách và người nghèo. Không lồng ghép các chính sách xã hội trong giá. Hoàn thiện pháp luật về phí, lệ phí; rà soát, chuyển đổi chính sách phí, lệ phí đối với một số dịch vụ công sang áp dụng chế độ giá dịch vụ. Mở rộng cơ chế đấu thầu, đấu giá, thẩm định giá. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của người tiêu dùng, các hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nền kinh tế.

Tiếp tục phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường. Thực hiện đa dạng hóa thị trường hàng hóa, dịch vụ theo hướng hiện đại, chú trọng hình thành khung pháp lý, phát triển hệ thống phân phối thông suốt và hiệu quả. Cơ cấu lại thị trường tài chính, bảo đảm lành mạnh hóa và ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô, loại bỏ nguy cơ mất an toàn hệ thống, phục vụ có hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh; bảo đảm nguyên tắc thị trường đối với thị trường tài chính gắn với tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước và giám sát của xã hội; phát triển thị trường mua bán nợ, thị trường các công cụ phát sinh, cho thuê tài sản. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để thị trường bất động sản vận hành thông suốt, phù hợp quy luật cung - cầu nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực từ đất đai và tài sản, kết cấu hạ tầng trên

(Phụ trương)

đất; ngăn ngừa đầu cơ, lãng phí. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề. Tiếp tục đổi mới, phát triển mạnh mẽ và đồng bộ thị trường khoa học - công nghệ, thực hiện cơ chế thị trường và có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

- Phương hướng đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế:

Tiếp tục nghiên cứu, đàm phán, ký kết, chuẩn bị kỹ các điều kiện thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tham gia các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư... Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể; kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Hoàn thiện thể chế để tận dụng cơ hội và phòng ngừa, giảm thiểu các thách thức do tranh chấp quốc tế, nhất là tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế. Hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp phù hợp với pháp luật quốc tế.

- Phương hướng nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội:

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng; tăng cường lãnh đạo việc thể chế hóa và việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng; lãnh đạo việc bố trí cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện của đội ngũ cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác tham mưu về kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành.

Nhà nước thể chế hóa nghị quyết của Đảng, xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, bảo đảm các loại thị trường ngày càng hoàn thiện và vận hành thông suốt, cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát độc quyền kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách hành chính. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại. Không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong hoạt động kinh tế của người dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng và giám sát việc thực hiện thể chế kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội.

Phần thứ tư
VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

I. KHÁI QUÁT NỘI DUNG CHỦ YẾU CÁC VẤN ĐỀ VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÃ NÊU TRONG DỰ THẢO VĂN KIỆN

Văn hóa, xã hội, môi trường có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với quá trình phát triển bền vững đất nước, do vậy, trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XII của Đảng, nội dung trình bày về những vấn đề này rất phong phú với dung lượng khá lớn.

Trong Dự thảo Báo cáo chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường được trình bày thành 5 vấn đề (trên tổng số 15 vấn đề): "Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực"; "Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ"; "Phát triển văn hóa, xây dựng con người"; "Quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội"; "Tăng cường quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu".

Trong từng vấn đề, Dự thảo Báo cáo chính trị đều nêu đánh giá tình hình thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chỉ rõ những thành quả nổi bật, những hạn chế, khuyết điểm chủ yếu trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng; xác định phương hướng, nhiệm vụ cần thực hiện trong 5 năm tới.

Trong Dự thảo "Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020", vấn đề văn hóa, xã hội, môi trường được trình bày ở cả hai phần: "Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015"; "Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020".

Trong Dự thảo Báo cáo kinh tế - xã hội, văn hóa, xã hội, môi trường được trình bày thành ba nội dung: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ; phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Dự thảo hai báo cáo tuy kết cấu và cách trình bày nội dung có khác nhau, phù hợp với tính chất, yêu cầu của từng báo cáo, song có quan hệ mật thiết, bổ sung cho nhau:

Dự thảo văn kiện đều tập trung đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng; xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới, phát triển đất nước nhanh, bền vững trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng.

Hai dự thảo đều lấy Văn kiện Đại hội XI, các nghị quyết Trung ương nhiệm kỳ XI và thực tiễn đất nước 5 năm 2011-2015 làm cơ sở để xây dựng nội dung báo cáo.

Trong nhiệm kỳ XI, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường:

- Về giáo dục và đào tạo: Hội nghị Trung ương 8 ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế".

- Về khoa học, công nghệ: Hội nghị Trung ương 6 ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW "Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

- Về văn hóa: Hội nghị Trung ương 9 ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW "Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước".

- Về xã hội: Hội nghị Trung ương 5 ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TW "Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020" và Kết luận số 23-KL/TW "Một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020".

- Về môi trường: Hội nghị Trung ương 7 ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW "Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường".

Các nghị quyết Trung ương nêu trên phản ánh những bước phát triển trong nhận thức lý luận, chỉ đạo thực tiễn của Đảng, đều mới được ban hành, đang được triển khai và còn nguyên giá trị định hướng về tư tưởng, hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Dự thảo văn kiện Đại hội XII đã tiếp thu, chọn lọc những nội dung cốt lõi của các nghị quyết về văn hóa, xã hội, môi trường, nâng lên tầm văn kiện, đồng thời căn cứ vào yêu cầu, điều kiện cụ thể của đất nước để lựa chọn những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện được trong 5 năm tới.

II. VỀ ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO; PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ

Dự thảo văn kiện đã đánh giá tình hình như sau:

Về giáo dục và đào tạo

- Những kết quả nổi bật:

Các nghị quyết của Đảng về giáo dục, đào tạo được lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đạt được những thành quả nhất định.

Quy mô, mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng, chất lượng được nâng lên.

Giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư (bằng 20% tổng chi ngân sách Nhà nước); cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đào tạo được cải thiện và có bước hiện đại hóa.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo có bước phát triển.

Công tác quản lý giáo dục và đào tạo có bước chuyển biến.

- Những hạn chế, khuyết điểm:

Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; công tác phân luồng và hướng nghiệp còn hạn chế.

Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất, còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành, chưa chú trọng giáo dục toàn diện.

Quản lý giáo dục và đào tạo có mặt còn yếu kém.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu.

Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả; cơ chế, chính sách cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp; cơ sở vật chất - kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Về khoa học, công nghệ

- Những kết quả nổi bật:

Tiềm lực khoa học, công nghệ được tăng cường (đầu tư ngân sách Nhà nước cho khoa học, công nghệ tăng bình quân 16%/năm, đạt khoảng 2% tổng chi ngân sách Nhà nước).

Hiệu quả hoạt động của khoa học, công nghệ được nâng lên, đóng góp tích cực trên nhiều lĩnh vực.

Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ có đổi mới.

Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ có tiến bộ.

- Những hạn chế, khuyết điểm:

Tiềm lực khoa học, công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu; năng lực đội ngũ khoa học, công nghệ còn hạn chế, thiếu các nhà khoa học đầu ngành.

Đầu tư cho khoa học, công nghệ còn thấp, sử dụng chưa hiệu quả; việc huy động nguồn lực của xã hội cho khoa học, công nghệ chưa được chú trọng.

Không hoàn thành mục tiêu xây dựng các trung tâm khoa học lớn; hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và kết quả hoạt động của các khu công nghệ cao còn thấp.

Cơ chế quản lý khoa học, công nghệ chậm đổi mới, nhất là về tài chính, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài.

Hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ còn thiếu định hướng chiến lược, hiệu quả hạn chế.

Đồng thời với việc đánh giá những ưu điểm, hạn chế trên từng lĩnh vực, Dự thảo văn kiện chú trọng đánh giá những mặt được, chưa được của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là nhu cầu phát triển nguồn nhân lực.

- Những mặt được:

Chất lượng đào tạo được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 50% vào năm 2015. Dạy nghề cho lao động nông thôn được quan tâm.

Khoa học, công nghệ đã có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực. Khoa học xã hội và nhân văn góp phần quan trọng trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách

(Phụ trương)

của Đảng, công tác quản lý, điều hành của Nhà nước. Khoa học tự nhiên và một số ngành công nghệ mũi nhọn góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, y tế, thông tin truyền thông; đóng góp tích cực vào việc tăng cường quốc phòng, an ninh. Phát triển thị trường khoa học, công nghệ, tăng cường hoạt động kết nối cung - cầu, giá trị giao dịch công nghệ tăng bình quân 13,5%/năm. Hình thành một số mô hình gắn kết hiệu quả viện, trường với doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ.

- Những mặt chưa được:

Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động.

Khoa học, công nghệ chưa thật sự gắn kết và trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Công tác quy hoạch, phát triển khoa học, công nghệ chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Chưa có giải pháp đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp và thu hút đầu tư tư nhân cho nghiên cứu, đổi mới và ứng dụng khoa học, công nghệ. Thị trường khoa học, công nghệ phát triển còn chậm.

2. Về phương hướng, nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ gắn với phát triển nguồn nhân lực

Về tư tưởng chỉ đạo:

Tiếp tục khẳng định quan điểm: Giáo dục, đào tạo cùng với khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là đầu tư cho phát triển.

Đại hội XI của Đảng đã định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học, công nghệ và xác định khâu đột phá chiến lược: "Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ".

Kế thừa, cụ thể hóa và phát triển tư tưởng Đại hội XI, Dự thảo văn kiện xác định:

- Phát triển giáo dục, đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học và công nghệ, với quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực; chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn.

- Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học, công nghệ thật sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng - an ninh; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp.

Về phương hướng, nhiệm vụ:

Dự thảo văn kiện nêu những phương hướng chính, những nhiệm vụ chủ yếu nhằm thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ:

- Về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo:

Phấn đấu trong những năm tới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học: Đổi mới chương trình, nội dung giáo dục; đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập; đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo.

Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng.

Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo.

Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý.

- Về phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ:

Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ; phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia; phấn đấu đến năm 2020 khoa học, công nghệ nước ta đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN, đến năm 2030 có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới.

Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ của đất nước, chiến lược thu hút công nghệ từ bên ngoài và chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên đất nước ta; hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao và kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ; xây dựng một số trung tâm nghiên cứu hiện đại. Tập trung đầu tư phát triển một số viện khoa học và công nghệ, trường đại học cấp quốc gia và một số khu công nghệ cao, vùng kinh tế trọng điểm theo mô hình tiên tiến của thế giới.

- Dự thảo văn kiện đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ, giải pháp gắn kết giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ với phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ hiệu quả quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện ba đột phá chiến lược:

Với giáo dục, đào tạo:

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước nói chung và cho từng ngành, từng lĩnh vực nói riêng, với những giải pháp đồng bộ, trong đó tập trung cho giải pháp đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực trong nhà trường cũng như trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

Tăng cường quản lý nhà nước về nguồn nhân lực, gắn kết cung - cầu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo điều kiện hỗ trợ dịch chuyển lao động và phân bố lao động hợp lý, hiệu quả.

Khuyến khích thành lập viện, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp khoa học, công nghệ trong nhà trường; thí điểm chuyển mô hình trường công lập sang cơ sở giáo dục do cộng đồng, doanh nghiệp quản lý, đầu tư.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục, chú trọng giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng thực hành, tác phong công nghiệp.

Với khoa học, công nghệ:

Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức.

Các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội đều phải xây dựng trên cơ sở khoa học vững chắc, xác định rõ các giải pháp công nghệ hiện đại phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp; khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, đồng thời hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ... theo hướng hỗ trợ hiệu quả cho việc vận hành thị trường khoa học và công nghệ.

Có chính sách đào tạo, trọng dụng, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, nhất là các chuyên gia có nhiều đóng góp; khuyến khích các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ tại Việt Nam.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM

1. Tình hình phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam

Đối chiếu với mục tiêu, nhiệm vụ "Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế" được nêu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và nhiệm vụ "Chăm lo phát triển văn hóa" được xác định trong Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng, Dự thảo văn kiện đã đánh giá tình hình thực hiện như sau:

- Những kết quả nổi bật:

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng con người đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế có bước chuyển biến quan trọng, bước đầu hình thành những giá trị mới về con người với các phẩm chất về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, dân chủ, chủ động, sáng tạo, khát vọng vươn lên.

Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và của từng vùng, miền được kế thừa; nhiều di sản văn hóa được bảo tồn, tôn tạo.

Việc xây dựng môi trường văn hóa được chú trọng hơn; phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đã khơi dậy được nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng.

Văn học, nghệ thuật có bước phát triển; truyền thông đại chúng phát triển nhanh cả về loại hình, quy mô, lực lượng, phương tiện kỹ thuật và ảnh hưởng xã hội.

Xã hội hóa văn hóa ngày càng mở rộng; đời sống văn hóa của nhân dân được cải thiện.

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường; hệ thống thể chế, thiết chế văn hóa từng bước được tăng cường.

Giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc.

- Những hạn chế, yếu kém:

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chưa đạt yêu cầu; so với những thành quả trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, thành quả trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh.

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi.

Môi trường văn hóa còn tồn tại những biểu hiện thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội và một số loại tội phạm có chiều hướng gia tăng.

Việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đạt hiệu quả chưa cao; hệ thống thông tin đại chúng phát triển thiếu quy hoạch khoa học, gây lãng phí nguồn lực, quản lý không theo kịp sự phát triển, một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích; nhiều sản phẩm văn hóa, nghệ thuật chất lượng thấp; thể thao thành tích cao phát triển còn chậm.

Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp; đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn.

Quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, tôn giáo, tín ngưỡng, thông tin, báo chí, nhất là internet còn nhiều bất cập.

Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ

(Phụ trương)

phận nhân dân, nhất là lớp trẻ.

2. Về phương hướng, nhiệm vụ

Về tư tưởng chỉ đạo:

Kế thừa, phát triển những quan điểm chỉ đạo và những định hướng lớn của Đảng được thể hiện trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" và những nội dung Văn kiện Đại hội XI của Đảng về văn hóa, Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã ban hành Nghị quyết về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước". Nghị quyết nêu 5 quan điểm chỉ đạo, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận văn hóa của Đảng, chỉ rõ quan hệ biện chứng giữa văn hóa, con người; xác định đầy đủ hơn những đặc trưng của văn hóa và đặc tính của con người Việt Nam trong thời kỳ mới; nhấn mạnh sự cần thiết phải gắn kết văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội; đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và trách nhiệm của các đoàn thể chính trị - xã hội, của nhân dân, đặc biệt của đội ngũ trí thức, đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người.

Khái quát những quan điểm của Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI, xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ trong 5 năm tới, Dự thảo văn kiện trình Đại hội XII nhấn mạnh tư tưởng chỉ đạo: Các cấp, các ngành phải nhận thức đầy đủ và thực hiện có kết quả mục tiêu: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Về nhiệm vụ, giải pháp:

Trong Báo cáo chính trị trình Đại hội XI, Đảng xác định bốn nhiệm vụ: (1) Củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng; (2) Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống, cách mạng; (3) Phát triển hệ thống thông tin đại chúng; (4) Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hóa.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI nêu sáu nhiệm vụ: (1) Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; (2) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; (3) Xây dựng văn hóa trong chính trị, kinh tế; (4) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; (5) Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa; (6) Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa. Nghị quyết đề ra bốn nhóm giải pháp: (1) Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa; (2) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; (3) Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa; (4) Tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa.

Xuất phát từ yêu cầu, điều kiện cụ thể của đất nước trong 5 năm tới, Dự thảo văn kiện lựa chọn, nêu khái quát định hướng bảy nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

Một là, đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là:

- Đúc kết, từng bước xây dựng trong thực tế các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật; làm cho mọi người Việt Nam hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc; khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

- Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người; có giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

Hai là, gắn xây dựng con người với xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong đó chú trọng:

- Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống.

- Phát huy vai trò văn hóa trong gia đình, nhà trường, cộng đồng; thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu; xây dựng mỗi trường học thật sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người; xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

- Thường xuyên quan tâm xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

- Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền và các giai tầng xã hội.

- Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng.

Ba là, đề cao nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế:

- Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức thượng tôn pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa:

- Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, khuyến khích tự do sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân; đổi mới phương thức hoạt động của các hội văn học, nghệ thuật.

- Quy hoạch, sắp xếp hợp lý, phát triển lành mạnh, quản lý hiệu quả hệ thống báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, các loại hình thông tin trên internet đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam.

- Giữ gìn, phát triển, phát huy giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số; tôn trọng, phát huy những mặt, những giá trị tích cực, tiến bộ của văn hóa tôn giáo.

Năm là, phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa:

- Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa.

- Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển.

- Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa lành mạnh; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa; tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam; nâng cao ý thức thực thi các quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội.

Sáu là, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại:

- Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc.

- Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

Bảy là, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa:

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm để văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân với mục đích đúng đắn; khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo.

- Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa; hoàn thiện các thiết chế văn hóa và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

- Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa, coi trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở.

- Mức đầu tư của Nhà nước cho văn hóa phải tương ứng với mức tăng trưởng kinh tế; đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, xây dựng con người.

IV. VỀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI, THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

Chăm lo nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội là tư tưởng nhất quán của Đảng ta. Trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta nhấn mạnh: "Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách". Trong 30 năm đổi mới, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết để lãnh đạo giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt chăm lo bảo đảm an sinh xã hội trong mọi hoàn cảnh, ngay cả khi đất nước đứng trước nhiều khó khăn do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu. Đây là một thành quả quan trọng, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ ta. Tuy nhiên, những định hướng về quản lý phát triển xã hội được nêu trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng chậm được làm rõ về mặt lý luận và thể chế hóa, cụ thể hóa về mặt Nhà nước, do vậy dẫn đến những lúng túng trong quá trình thực hiện.

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của việc giải quyết các vấn đề xã hội, Dự thảo văn kiện trình bày nội dung này thành một vấn đề riêng, trong đó tiếp tục hoàn thiện một bước những định hướng về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, đồng thời trình bày rõ hơn một số định hướng về quản lý phát triển xã hội.

1. Đánh giá tình hình

Dự thảo văn kiện đã đánh giá tình hình như sau:

Về quản lý phát triển xã hội

- Những kết quả nổi bật:

Hệ thống luật pháp và chính sách được bổ sung nhằm điều tiết các quan hệ xã hội.

Chính sách dân tộc được quan tâm; tự do tôn giáo, tín ngưỡng được bảo đảm.

Các cơ quan báo chí, xuất bản làm tốt hơn nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền.

Những ưu điểm nói trên đã góp phần trực tiếp vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm sự đồng thuận và trật tự, an toàn xã hội.

- Những hạn chế, yếu kém:

Quản lý phát triển xã hội còn nhiều hạn chế, khuyết điểm; việc giải quyết một số vấn đề xã hội chưa hiệu quả; mục tiêu xây dựng quan hệ hài hòa giữa các lĩnh vực, ngành nghề, vùng, miền chưa đạt yêu cầu.

Chưa có chính sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề biến đổi cơ cấu, phân hóa giàu - nghèo, phân tầng xã hội, kiểm soát rủi ro, giải quyết mâu thuẫn xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, an ninh con người.

Quản lý phát triển xã hội bền vững chưa được nghiên cứu đầy đủ, hệ thống pháp luật, chính sách chưa đồng bộ, thiếu nhất quán, quản lý thiếu tính tổng thể, liên ngành, liên vùng, do vậy sự phát triển các lĩnh vực, các vùng, miền thiếu tính liên kết.

Về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

- Những thành tựu nổi bật:

(Phụ trương)

Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả tích cực; an sinh xã hội được bảo đảm, phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; đã hoàn thành trước thời hạn nhiều Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

Trong bối cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, đã tăng thêm ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn lực để thực hiện tốt hơn các chính sách xã hội, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai và đồng bào dân tộc thiểu số.

Mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức hỗ trợ và thực hiện đồng bộ nhiều chính sách đối với người có công; giảm nghèo, trợ giúp xã hội, tạo việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên nghèo đạt những kết quả tích cực: Mức sống của các gia đình người có công được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm, thị trường lao động có bước phát triển (5 năm đã tạo việc làm cho khoảng 7,8 triệu người).

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng; chất lượng công tác y tế dự phòng, khám, chữa bệnh được nâng lên, không để dịch bệnh lớn xảy ra; tuổi thọ trung bình tăng, đạt 73,5 tuổi vào năm 2015.

Công tác chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; công tác gia đình, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ đã đạt được kết quả tích cực.

- Những hạn chế, yếu kém:

Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội nhiều mặt còn hạn chế; xã hội hóa còn chậm và chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để huy động được nhiều nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực xã hội; đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn.

Thị trường lao động chưa thật thông suốt, dịch chuyển lao động còn khó khăn; tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn lớn, số người thiếu việc làm và việc làm không ổn định còn nhiều, nhất là ở khu vực nông thôn; một bộ phận sinh viên sau tốt nghiệp còn khó tìm được việc làm.

Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, một số chính sách về an sinh xã hội, giảm nghèo còn chồng chéo, kém hiệu quả, chưa khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo; tỷ lệ hộ nghèo ở vùng sâu, vùng xa, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao (có huyện, xã lên đến 50%); khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, các nhóm dân cư còn lớn.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân nhiều mặt còn hạn chế; chất lượng khám, chữa bệnh, công tác y tế dự phòng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là tuyến cơ sở; tuổi thọ bình quân tăng nhưng chất lượng cuộc sống chưa cao.

2. Về phương hướng, nhiệm vụ

Về tư tưởng chỉ đạo

- Đối với quản lý phát triển xã hội:

Đại hội XI của Đảng đã đề ra những định hướng quan trọng về quản lý phát triển xã hội. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) định hướng: Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 nhấn mạnh: Có chính sách và các giải pháp phù hợp nhằm hạn chế phân hóa giàu - nghèo, giảm chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị. Báo cáo chính trị trình Đại hội XI xác định: Phát triển kinh tế - xã hội hài hòa giữa các vùng, đô thị và nông thôn; đấu tranh phòng, chống có hiệu quả tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông...

Phát triển và cụ thể hóa tư tưởng Đại hội XI vào điều kiện 5 năm tới, Dự thảo văn kiện trình Đại hội XII nêu rõ: (1) Nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; (2) Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; (3) Có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết kịp thời những bức xúc, mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột trong xã hội.

- Đối với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội:

Phát triển và cụ thể hóa tư tưởng thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XI, Nghị quyết Trung ương 5 khóa XI về "Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020" đã đưa ra 5 quan điểm chỉ đạo: (1) Xác định vị trí, tầm quan trọng của việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người có công, bảo đảm an sinh xã hội và trách nhiệm của Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội; (2) Những nguyên tắc trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội; (3) Định hướng phát triển hệ thống an sinh xã hội; (4) Xác định vai trò chủ đạo và trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội; (5) Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an sinh xã hội.

Khái quát quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Trung ương 5 khóa XI, Dự thảo văn kiện xác định: (1) Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới; (2) Mọi người dân đều có cơ hội, điều kiện phát triển toàn diện; (3) Thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước, bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình trở lên.

Về nhiệm vụ, giải pháp

Nhiệm vụ, giải pháp về quản lý phát triển xã hội:

Đây là vấn đề lớn và mới, cần triển khai từng bước, vững chắc. Dự thảo văn kiện xác định một số định hướng chủ yếu:

- Trong xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khắc phục xu hướng gia tăng phân hóa giàu - nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững.

- Thực hiện các giải pháp, chính sách và quản lý để khắc phục từng bước sự mất cân đối về phát triển đối với từng lĩnh vực, từng vùng, bảo đảm sự hài hòa cả trong phát triển, hưởng thụ; bảo đảm cơ cấu giai tầng xã hội, dân cư, ngành nghề hợp lý.

- Kịp thời kiểm soát và xử lý các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội.

- Đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông.

Nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội:

Đây là lĩnh vực đã đạt được nhiều thành quả và tích lũy được nhiều kinh nghiệm tốt, cần tiếp tục đẩy mạnh trong 5 năm tới. Dự thảo văn kiện tập trung trình bày ba nhóm vấn đề:

- Giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động:

Tạo cơ hội để mọi người có việc làm và cải thiện thu nhập, bảo đảm tiền lương, thu nhập công bằng, đủ điều kiện sống và tái sản xuất sức lao động.

Chú trọng giải quyết việc làm cho lao động dôi dư từ khu vực nông nghiệp do việc tích tụ, tập trung ruộng đất hoặc thu hồi đất phát triển công nghiệp, đô thị và các công trình công cộng.

Khuyến khích đầu tư xã hội tạo ra nhiều việc làm, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách về tiền lương, tiền công, khắc phục cơ bản những bất hợp lý; điều chỉnh chính sách dạy nghề, gắn đào tạo với sử dụng; điều chỉnh chính sách xuất khẩu lao động hợp lý; hoàn thiện và thực hiện chính sách bảo hộ lao động,...

- Bảo đảm an sinh xã hội:

Mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến mọi người dân; tạo điều kiện để trợ giúp có hiệu quả cho những người yếu thế, dễ tổn thương hoặc gặp rủi ro trong cuộc sống.

Phát triển và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp... chuyển từ hỗ trợ nhân đạo sang bảo đảm quyền an sinh xã hội của công dân.

Đổi mới chính sách giảm nghèo theo hướng tập trung, hiệu quả và tiếp cận phương pháp đo lường nghèo đa chiều nhằm bảo đảm an sinh xã hội cơ bản và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Tổ chức tốt hơn việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản thiết yếu; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách, người nghèo, nhân dân sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất và sinh viên,...

Phát triển đa dạng các hình thức từ thiện, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia giúp đỡ những người yếu thế.

- Coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc:

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, chế độ thai sản, nghỉ dưỡng, khám, chữa bệnh, bình đẳng giới; thực hiện tốt chiến lược dân số, gia đình, chương trình hành động vì trẻ em...; đầu tư nâng cao chất lượng dân số, chỉ số phát triển con người, bảo đảm cân bằng tỷ lệ giới tính khi sinh và quyền trẻ em.

Huy động các nguồn lực, tiếp tục xây dựng, phát triển hệ thống bệnh viện, trạm y tế, phòng khám bệnh, hệ thống y tế dự phòng và các dịch vụ y tế hiện đại; phát triển y học dân tộc, khuyến khích sản xuất và chữa bệnh bằng thuốc nam.

Tiếp tục bảo đảm công bằng, giảm chênh lệch mới trong tiếp cận chính sách chăm sóc sức khỏe nhân dân giữa các địa bàn, các nhóm đối tượng; ưu tiên ngân sách Nhà nước dành cho y tế đầu tư tập trung cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển và hải đảo.

Có lộ trình khắc phục tình trạng quá tải tại các bệnh viện lớn ở Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh và các thành phố lớn.

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho toàn dân và từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

Có chính sách hợp lý trong đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ y tế.

Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển con người, chính sách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Phát triển thể dục, thể thao toàn dân.

V. VỀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Nhận thức về tầm quan trọng của việc quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu là một quá trình. Trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng, việc xây dựng cơ sở khoa học cho việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phòng tránh, giảm nhẹ hậu quả thiên tai được giao thành trách nhiệm của khoa học tự nhiên và chính sách bảo vệ môi trường được gắn với các chính sách xã hội. Đến Đại hội X, lần đầu tiên trong Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010 trình đại hội đã đưa ra chỉ tiêu về môi trường (tỷ lệ che phủ rừng; tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch; chỉ tiêu xử lý chất thải...) và "tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên" được xác định là một trong sáu nhiệm vụ thuộc "Định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và vùng".

Bước vào thế kỷ XXI, khủng hoảng tài nguyên, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu trở thành vấn nạn mang tính toàn cầu. Tháng 9-2000, Chính phủ nước ta đã cam kết thực hiện Tuyên bố Thiên niên kỷ (còn gọi là Chương trình nghị sự 21), trong đó bảo đảm bền vững về môi trường là một trong tám mục tiêu cụ thể. Đại hội XI của Đảng đã đặt vấn đề "Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai" thành một định hướng trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, là một trong những nhiệm vụ quan trọng của kế hoạch 5 năm 2011-2015 gắn với phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức. Trước nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và những diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu, Hội nghị Trung ương 7 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW "Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường".

Nhận rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với sự nghiệp phát triển bền vững đất nước trong những năm sắp tới, Dự thảo văn kiện đã trình bày nội dung này thành một vấn đề riêng.

1. Về đánh giá tình hình

Dự thảo văn kiện đã đánh giá tình hình như sau:

- Những kết quả nổi bật:

Nhận thức về tầm quan trọng của tài nguyên, khai thác và quản lý tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được nâng lên.

Nhà nước đã xây dựng và từng bước

(Phụ trương)

hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý các lĩnh vực này; công tác kiểm tra, thanh tra việc thực thi và xử lý vi phạm được coi trọng; đã thành lập các cơ quan nghiên cứu và dự báo, quản lý rủi ro.

Việc quản lý, sử dụng đất đai, nguồn nước, khoáng sản chặt chẽ và hiệu quả hơn; các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và xử lý cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng được tích cực thực hiện; nhiều dự án ứng phó với biến đổi khí hậu kết hợp với phòng, chống thiên tai được triển khai.

Hợp tác quốc tế về quản lý tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai được đẩy mạnh; đã tham gia nhiều tổ chức quốc tế về các lĩnh vực này.

- Những hạn chế, yếu kém:

Quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu nhiều mặt còn hạn chế; pháp luật, chính sách thiếu đồng bộ; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa nghiêm; công tác điều tra cơ bản, quy hoạch, dự báo chưa đáp ứng yêu cầu; việc giao quyền quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, khoáng sản, rừng, nguồn nước... chưa phù hợp với kinh tế thị trường, hiệu quả chưa cao.

Tài nguyên chưa được quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững, một số loại tài nguyên bị khai thác quá mức dẫn tới suy thoái, cạn kiệt.

Ô nhiễm môi trường tiếp tục gia tăng, có nơi nghiêm trọng; việc khắc phục hậu quả về ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại còn nhiều khó khăn; đa dạng sinh học suy giảm, nguy cơ mất cân bằng sinh thái đang diễn ra trên diện rộng.

Việc ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng; tình trạng ngập lụt ở một số thành phố lớn chậm được khắc phục; sạt lở ven biển, ven sông và xâm nhập mặn diễn biến ngày càng phức tạp...

2. Về phương hướng, nhiệm vụ

Về tư tưởng chỉ đạo:

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa XI "Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường" xác định năm quan điểm chỉ đạo. Nghị quyết nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường đối với sự phát triển bền vững đất nước và trách nhiệm của Đảng, của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội; xác định những nguyên tắc cơ bản trong việc giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; tư tưởng chỉ đạo đối với ứng phó với biến đổi khí hậu, với quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên, với bảo vệ môi trường.

Lựa chọn, khái quát các quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI phù hợp với hoàn cảnh 5 năm tới, Dự thảo văn kiện xác định:

Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững theo hướng bảo đảm tính tổng thể, liên ngành, liên vùng, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài là cơ bản, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn.

Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường; đề cao trách nhiệm của các ngành, các cấp, các lực lượng vũ trang, phát huy vai trò của cộng đồng, của doanh nghiệp.

Tài nguyên là tài sản quốc gia, nguồn lực quan trọng của đất nước, phải được đánh giá đầy đủ, hạch toán trong nền kinh tế, được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; chú trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, vật liệu mới.

Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân; ngăn chặn và từng bước khắc phục sự xuống cấp của môi trường tự nhiên do chủ quan con người, nhất là do các dự án phát triển kinh tế gây ra; hạn chế, tiến tới khắc phục căn bản tình trạng hủy hoại, làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị; thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản; bảo đảm sự hài hòa giữa môi trường tự nhiên với môi trường sống ở các khu công nghiệp, đô thị, dân cư.

Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ tài nguyên; tăng cường phổ biến pháp luật và tuyên truyền trong xã hội về bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên và ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; tích cực hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Về nhiệm vụ, giải pháp:

Dự thảo văn kiện xác định mục tiêu: Đến năm 2020, có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững, kiềm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; về cơ bản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính.

Dự thảo văn kiện xác định các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

- Nhiệm vụ, giải pháp về quản lý tài nguyên:

Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên quốc gia, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên biển.

Từng bước xác định, đánh giá các giá trị, thiết lập tài khoản, hạch toán trong nền kinh tế đối với các loại tài nguyên quốc gia.

Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.

Hạn chế tối đa, từng bước tiến tới chấm dứt xuất khẩu khoáng sản thô và chỉ qua chế biến sơ, thúc đẩy chế biến sâu; đối với loại khoáng sản chiến lược đặc thù như than, dầu khí... cần có chính sách cụ thể, cân đối giữa nhập khẩu và xuất khẩu.

Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai; thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; kết hợp bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp.

Quy hoạch khai thác, bảo vệ nguồn nước, tăng cường quản lý nguồn nước theo lưu vực sông; chủ động hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ nguồn nước xuyên quốc gia.

Kiểm soát các hoạt động khai thác; đấu tranh, ngăn chặn tình trạng đánh bắt mang tính hủy diệt nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vùng gần bờ.

Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.

- Nhiệm vụ, giải pháp về bảo vệ môi trường:

Hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các chế tài đủ mạnh để bảo vệ môi trường, ngăn chặn, xử lý theo pháp luật nhằm chấm dứt tình trạng gây ô nhiễm môi trường; tăng cường phòng ngừa và kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Ngăn chặn và từng bước khắc phục tình trạng xuống cấp của môi trường tự nhiên; hạn chế tiến tới khắc phục căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu đô thị, làng nghề, các lưu vực sông, không để phát sinh thêm những cơ sở gây ô nhiễm môi trường; tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng.

Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị có mật độ dân cư cao; thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn phát thải và công nghệ theo lộ trình phù hợp.

Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng.

Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Đẩy mạnh xã hội hóa cùng với việc bố trí nguồn lực từ ngân sách Nhà nước đầu tư cho các công trình trọng điểm phục hồi môi trường dân sinh.

- Nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:

Chủ động xây dựng, triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai cho từng giai đoạn.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ.

Đầu tư thích đáng cho các công trình trọng điểm quốc gia, các chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung, trước hết là khu vực TP.Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau và các thành phố ven biển khác.

Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm mức phát thải khí nhà kính.

Phần thứ năm
VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

I. TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG-AN NINH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XII của Đảng, phần quốc phòng - an ninh được trình bày thành mục riêng. Đây là cách trình bày mới, bao gồm các nội dung như: Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh trong nhiệm kỳ qua, cả mặt ưu điểm và những hạn chế, khuyết điểm; nêu bật mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

Lĩnh vực quốc phòng - an ninh cũng được trình bày trong Dự thảo Báo cáo kinh tế - xã hội.

Những nội dung cốt lõi về quốc phòng - an ninh trong Dự thảo văn kiện trình Đại hội XII của Đảng là:

1. Tình hình

Dự thảo văn kiện đã nêu: "Trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều phức tạp, chúng ta vẫn giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo đảm quốc phòng - an ninh và trật tự, an toàn xã hội". Để đạt được những thành tựu quan trọng đó, có ba vấn đề cốt yếu được khẳng định:

Thứ nhất, nhận thức về mục tiêu, yêu cầu, quan điểm, phương châm bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; về quan hệ đối tác, đối tượng có bước phát triển.

Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đã xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc đồng bộ gồm các nội dung: Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới; bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình. Điểm nổi bật của mục tiêu và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, giữ vững chủ quyền biển, đảo; ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Nghị quyết quan trọng này của Trung ương, những năm qua, trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức về mục tiêu, yêu cầu bảo vệ Tổ quốc đã được nâng lên.

Quan điểm bảo vệ Tổ quốc đã xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; quan hệ gắn bó giữa mục tiêu bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc với giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược; xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước; giữ vững độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động hội

(Phụ trương)

nhập quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố gây bất ổn định, nhất là các nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến, bất lợi.

Thực hiện phương châm chỉ đạo: Kiên định về mục tiêu, nguyên tắc chiến lược; linh hoạt, mềm dẻo về sách lược. Kiên trì giải quyết tranh chấp mâu thuẫn bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, phù hợp với luật pháp quốc tế; có đối sách phù hợp với từng đối tượng, từng tình huống.

Nhận thức về đối tác, đối tượng ngày càng sáng rõ hơn. Đảng ta xác định, những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác, bình đẳng cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta. Bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá đất nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh. Đó là nguyên tắc, là tiêu chí để xác định đối tượng, đối tác của chúng ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi xác định đối tượng và đối tác cần hết sức linh hoạt: có trường hợp là đối tượng đấu tranh, nhưng vẫn có những mặt cần tranh thủ, hợp tác và là đối tác trong quan hệ kinh tế; có những đối tác quan hệ sâu rộng về kinh tế nhưng lại có mặt phải cảnh giác và đấu tranh. Đối tượng và đối tác có thể chuyển hóa lẫn nhau, cho nên khi xác định cần khách quan, toàn diện để có đối sách hợp lý.

Hạn chế về nhận thức: Dự thảo văn kiện đã nhấn mạnh: "Nhận thức của một số cán bộ các cấp, các ngành về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới chưa thật đầy đủ, sâu sắc", thể hiện trên các vấn đề cụ thể sau:

- Chưa nhận thức thấu đáo về sự gắn kết giữa bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ nhân dân trong thời bình; bảo vệ Tổ quốc từ xa, đấu tranh phi vũ trang; sự chuyển hóa đan xen giữa đối tác, đối tượng.

- Nhận thức về những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, về đấu tranh trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa... chưa đầy đủ.

- Nội dung của các khái niệm "bảo vệ Tổ quốc" và "bảo vệ an ninh quốc gia" chưa được hiểu một cách thấu đáo.

Thứ hai, thế trận quốc phòng toàn dân gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố.

Trên cơ sở tiềm lực quốc phòng và an ninh được tăng cường, trong những năm qua, thế trận quốc phòng toàn dân được xây dựng ngày càng hoàn chỉnh, thế trận an ninh nhân dân được củng cố thêm vững chắc. Về quốc phòng, đã triển khai xây dựng hệ thống công trình phòng thủ theo quy hoạch, tập trung cho những địa bàn chiến lược trọng điểm. Chất lượng xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố được nâng lên một bước, đủ sức tự giải quyết các tình huống quốc phòng - an ninh ở địa phương. Khả năng phòng thủ quốc gia được nâng lên tạo điều kiện cho việc tiếp tục bổ sung điều chỉnh thế trận, bố trí các lực lượng tác chiến. Tổ chức xây dựng các công trình phòng thủ hợp lý và chặt chẽ.

Việc xây dựng thế trận an ninh nhân dân có bước phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu theo hướng vững chắc. Các lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đã có bước phát triển mới, được triển khai trên mọi địa bàn, mọi vùng, miền của cả nước. Việc tổ chức các bộ phận chỉ huy, tác chiến, các lực lượng cơ động đã được triển khai đồng bộ. Chủ động ngăn ngừa và chuẩn bị các phương tiện, phương án đối phó với các tình huống phức tạp có thể xảy ra. Đã xây dựng, triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự ở từng địa bàn, trước hết là ở các địa bàn trọng điểm.

Sự gắn kết giữa xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và xây dựng thế trận an ninh nhân dân chặt chẽ, hiệu quả và thiết thực hơn. Đó là những thành công lớn trong việc tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Nhiệm vụ đặt ra trong thời gian tới là phải tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa để hướng tới mục tiêu xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân bền vững. Đó là nền quốc phòng - an ninh toàn dân, toàn diện, có đủ sức mạnh và điều kiện về vật chất, tinh thần để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong mọi tình huống.

Thứ ba, sức mạnh về mọi mặt của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được tăng cường.

Coi trọng xây dựng Quân đội nhân dân vững mạnh về chính trị, nhất là xây dựng bản lĩnh chính trị và lòng trung thành của Quân đội với Đảng, Nhà nước, Tổ quốc và nhân dân. Thực hiện chế độ một người chỉ huy, gắn với chế độ chính ủy, chính trị viên trong quân đội, chất lượng, hiệu quả công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội được nâng lên. Tổ chức, biên chế quân đội được điều chỉnh hợp lý hơn. Đã từng bước bổ sung vũ khí, trang bị cho quân đội ngày càng hiện đại hơn, tăng thêm khả năng tác chiến phòng thủ biển, đảo và thềm lục địa. Các mặt công tác bảo đảm ngày càng có hiệu quả, thiết thực, chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của quân đội, chất lượng tổng hợp, trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu được nâng lên. Quân đội hoàn thành chức năng, nhiệm vụ trong mọi tình huống, làm tốt vai trò tham mưu với Đảng và Nhà nước về thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Quân đội thực sự là lực lượng trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân, lực lượng nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc và trong các hoạt động cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai. Phối hợp với các cấp, các ngành, các lực lượng, chủ động ngăn ngừa, tích cực đấu tranh làm thất bại các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, tham gia tích cực xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và các chương trình kinh tế - xã hội của đất nước.

Lực lượng Công an nhân dân được quan tâm xây dựng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật theo yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới, thực sự là lực lượng nòng cốt, xung kích trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. Đã chú trọng nâng cao trình độ, đạo đức, phẩm chất đội ngũ cán bộ công an, tích cực trong công tác tham mưu với Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Tổ chức bộ máy công an được củng cố và phát triển phù hợp với tính chất, đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của từng lực lượng, coi trọng tăng cường lực lượng cho cơ sở, các địa bàn chiến lược và các đơn vị chiến đấu. Trang bị kỹ thuật, nghiệp vụ được đầu tư đổi mới và ngày càng hiện đại, có lĩnh vực đi thẳng vào hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới. Hợp tác quốc tế trên lĩnh vực an ninh, cảnh sát, tình báo và phòng, chống tội phạm được mở rộng. Chất lượng tổng hợp và khả năng bảo đảm an ninh quốc gia được nâng cao.

Về hạn chế cần khắc phục, Dự thảo văn kiện nêu: "Kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh trên một số lĩnh vực, địa bàn có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Việc quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng - an ninh của một số cấp ủy, chính quyền có nơi, có lúc chưa kiên quyết, triệt để; còn thiếu những giải pháp mang tính chiến lược, tổng thể. Cơ chế, chính sách, pháp luật về quốc phòng - an ninh chưa hoàn thiện".

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Dự thảo văn kiện xác định: "Mục tiêu trọng yếu của quốc phòng - an ninh là: Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội".

Những nhiệm vụ chính yếu được nêu bật là:

Thứ nhất, kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng - an ninh và quốc phòng - an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đây là một trong những vấn đề cốt lõi vừa mang tính định hướng cho phát triển, vừa là nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để bảo đảm cho việc củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Điều này xuất phát từ quan điểm sử dụng sức mạnh tổng hợp. Sức mạnh và lực lượng bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, của tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt.

Đây cũng là giải pháp thiết thực để giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Việc giải quyết mối quan hệ khăng khít này tập trung vào một số lĩnh vực cơ bản:

- Mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên lĩnh vực chính trị là xây dựng và bảo vệ chính trị và hệ thống chính trị; xây dựng và bảo vệ Cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng; xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Trên lĩnh vực kinh tế là việc xây dựng và bảo vệ cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế; xây dựng và bảo vệ cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; xây dựng và bảo vệ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữa quân sự, an ninh với kinh tế.

- Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội là xây dựng và bảo vệ nền văn hóa xã hội chủ nghĩa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng và bảo vệ những giá trị, chuẩn mực văn hóa xã hội chủ nghĩa và đấu tranh chống lại những quan điểm tư tưởng, những biểu hiện văn hóa lạc hậu, phản động, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Đó cũng là việc xây dựng và bảo vệ cái hay, cái đẹp, kiên quyết đấu tranh với cái xấu, cái ác; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ kỷ cương phép nước.

- Trên lĩnh vực đối ngoại, cần xây dựng và bảo vệ đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, xử lý đúng đắn quan hệ đối tác, đối tượng. Trong đối ngoại quốc phòng - an ninh cần nắm vững quan điểm: Nước ta không tham gia bất cứ liên minh quân sự nào, nhưng sẵn sàng quan hệ hợp tác với các nước vì lợi ích chung của cộng đồng quốc tế và khu vực. Mục đích của quan hệ đối ngoại quốc phòng - an ninh là tăng cường hòa bình, tin cậy, đoàn kết, cùng nhau giải quyết những vấn đề có liên quan, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

Việc kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng - an ninh và quốc phòng - an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội cần được thực hiện trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trên tất cả mọi vùng, miền của Tổ quốc, trong đó chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Khắc phục triệt để những sơ hở, thiếu sót trong việc kết hợp kinh tế và quốc phòng - an ninh tại các địa bàn, nhất là địa bàn chiến lược.

Thứ hai, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Một nhiệm vụ trực tiếp của quốc phòng - an ninh là kiên quyết đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" từ bên trong và cả những tiêu cực nảy sinh bởi sự tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập, giao lưu quốc tế.

Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể là tăng cường bảo vệ Đảng, bảo vệ an ninh chính trị nội bộ. Kết hợp chặt chẽ xây dựng Đảng với bảo vệ Đảng, tập trung củng cố, xây dựng các tổ chức Đảng từ Trung ương đến cơ sở thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đấu tranh phê phán những biểu hiện nhận thức lệch lạc, mơ hồ, mất cảnh giác. Phát hiện, tích cực phòng ngừa, ngăn chặn, không để kẻ địch thâm nhập nội bộ, mua chuộc, lôi kéo cán bộ ta. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, nhất là thủ đoạn lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, "dân chủ", "nhân quyền" để chống phá nước ta. Đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, phá hoại trên lĩnh vực tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động và những phần tử cơ hội chính trị.

Dự thảo văn kiện nhấn mạnh: "Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, phải tiếp tục giữ

(Phụ trương)

vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng - an ninh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh".

II. NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. Tình hình

Những kết quả quan trọng:

- Dự thảo văn kiện nhấn mạnh: "Môi trường hòa bình thuận lợi cho phát triển, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tiếp tục được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong ASEAN được củng cố".

Trong những năm qua, chúng ta đã mở rộng quan hệ đối ngoại, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia; tạo lập và giữ được môi trường hòa bình, tranh thủ yếu tố thuận lợi của môi trường quốc tế để phát triển; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tiếp tục được giữ vững. Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ chính trị; tiếp tục từng bước đưa quan hệ với các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu, ổn định hơn. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước. Nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp ngày càng tích cực, có trách nhiệm vào đời sống chính trị khu vực và thế giới, phát huy vai trò tích cực trong cộng đồng ASEAN. Cùng với việc tăng cường ngoại giao Nhà nước, quan hệ đối ngoại Đảng và ngoại giao nhân dân được mở rộng, đã góp phần nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

- Triển khai đồng bộ đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Chúng ta đã từng bước xử lý tốt mối quan hệ của Việt Nam với các đối tác chính, thể hiện trên một số vấn đề sau:

Đã củng cố và tăng cường quan hệ với các nước láng giềng, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Trong bối cảnh tình hình trên biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, có lúc rất căng thẳng, chúng ta đã xử lý thỏa đáng các vấn đề nảy sinh, kiên trì, kiên quyết bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích của đất nước; đồng thời giữ vững môi trường hòa bình và ổn định, kiên trì chủ trương giải quyết những bất đồng bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982. Những chủ trương và giải pháp của Đảng, Nhà nước ta đã được nhân dân đồng tình và dư luận quốc tế ủng hộ.

Tích cực tham gia và đóng góp cho việc hình thành Cộng đồng ASEAN. Việt Nam đã tạo dựng được hình ảnh hội nhập tích cực trong nhận thức của các thành viên ASEAN cũng như của cộng đồng quốc tế.

Tham gia tích cực và có trách nhiệm vào việc liên kết khu vực ở Đông Á, thúc đẩy việc hình thành Cộng đồng kinh tế Đông Á. Việt Nam đã từng bước bắt nhịp và chủ động tham gia các tiến trình Đông Á, nhất là tiến trình hướng Đông Á trở thành một cộng đồng mở, có quan hệ hài hòa với tất cả các nước Đông Á.

Tham gia tích cực và có trách nhiệm vào các định chế đa phương quốc tế như IMF, WB, WTO, Liên hiệp quốc và các tổ chức thành viên, các diễn đàn đa phương như Tổ chức các nước không liên kết, nhóm các nước G77... để nâng cao vị thế quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.

- Quá trình hội nhập quốc tế của nước ta đã đạt được nhiều kết quả. Dự thảo văn kiện khẳng định: "Hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, góp phần quan trọng vào việc tăng cường nguồn lực cho phát triển, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

Thành công của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài thể hiện ở chỗ đã hình thành các cụm sản xuất và phát triển các ngành sản xuất có trình độ công nghệ tiên tiến. Kết quả là chúng ta đã mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút nguồn lực quốc tế nhằm phục vụ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Hội nhập trên lĩnh vực văn hóa - xã hội của nước ta với cộng đồng thế giới đã được đẩy mạnh, đa dạng về hình thức, phương thức. Việt Nam đã ký hơn 100 thỏa thuận, điều ước quốc tế song phương có nội dung văn hóa. Hội nhập văn hóa - xã hội đi vào thực chất đã thu hút bạn bè quốc tế đến với Việt Nam ngày càng nhiều hơn.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong lĩnh vực đối ngoại, còn một số hạn chế:

- Dự thảo văn kiện nhận định: "Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế có mặt chưa chủ động và hiệu quả chưa cao. Chưa có giải pháp đồng bộ, hữu hiệu để hạn chế các tác động tiêu cực trong quá trình đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn có lúc chưa theo kịp những chuyển biến mau lẹ, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực. Sự phối hợp, kết hợp giữa các ngành, các địa phương còn thiếu chặt chẽ. Công tác nghiên cứu chiến lược, dự báo tình hình còn hạn chế".

- Hội nhập quốc tế đã được triển khai mạnh mẽ nhưng vẫn thiếu sự gắn kết giữa các lĩnh vực, đồng thời cũng chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu nâng cao hiệu quả, phát triển bền vững, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; chưa được tiến hành đồng bộ với quá trình gia tăng liên kết giữa các vùng, miền trong cả nước; cơ chế chỉ đạo, điều hành, giám sát và phối hợp quá trình hội nhập giữa Trung ương và địa phương, giữa các ban, ngành còn bất cập.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Trong phương hướng, nhiệm vụ của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, Dự thảo văn kiện nhấn mạnh những vấn đề cốt lõi sau:

Thứ nhất, xác định mục tiêu tối thượng là lợi ích quốc gia - dân tộc.

Trong việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại, lợi ích quốc gia - dân tộc là một trong những vấn đề quan trọng nhất. Lợi ích quốc gia - dân tộc không đi ngược lại các giá trị chính nghĩa, tiến bộ, nhân văn của nhân loại.

Quan điểm nhất quán nêu trong Dự thảo văn kiện là triển khai, thực hiện công tác đối ngoại để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đối ngoại để phục vụ đối nội. Mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thúc đẩy các quan hệ kinh tế, tăng cường hợp tác kinh tế đối ngoại để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công tác đối ngoại được đẩy mạnh sẽ tạo môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, thiết thực góp phần bảo vệ Tổ quốc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ.

Để làm tốt công tác đối ngoại, cần coi trọng việc giải quyết mối quan hệ giữa giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa với mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế. Mỗi bước mở rộng, đưa quan hệ hợp tác với các nước vào chiều sâu đều phải nhằm củng cố, tăng cường thực lực trong nước; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lợi ích đất nước.

Thứ hai, về phương châm và định hướng lớn trong công tác đối ngoại.

Dự thảo văn kiện xác định: "thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế".

Trên cơ sở nhận thức về thời đại và tình hình thế giới, khu vực, Dự thảo xác định phải đổi mới công tác đối ngoại. Trong khi nhận rõ hợp tác phát triển là xu thế thì đồng thời không mơ hồ chỉ thấy hợp tác một chiều. Hợp tác đồng thời phải đi đôi với đấu tranh, cạnh tranh để bảo vệ lợi ích chính đáng của quốc gia; đồng thời đấu tranh, cạnh tranh để hợp tác chứ không dẫn tới đối đầu.

Thứ ba, triển khai mạnh mẽ chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Dự thảo văn kiện đã xác định hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, coi hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực; hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập các lĩnh vực khác từng bước mở rộng; nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng, thực hiện các chuẩn mực chung bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc. Nhận thức sâu sắc hơn yêu cầu giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế và giữ vững độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia.

Phần thứ sáu
VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

I. PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC; PHÁT HUY DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

1. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Dự thảo văn kiện đã đánh giá tình hình và nêu phương hướng, nhiệm vụ như sau:

Tình hình

Những thành tựu nổi bật:

Khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được mở rộng, củng cố và tăng cường trong bối cảnh đất nước có nhiều khó khăn, thách thức. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có nhiều đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội, góp phần tích cực vào những thành tựu chung của đất nước. Điều 9 Hiến pháp năm 2013, cùng với việc tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đã bổ sung khoản 2 quy định về vị trí, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội; quy định về chức năng giám sát và phản biện xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đã bước đầu thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội.

Nguyên nhân của ưu điểm: Đạt được kết quả trên là do Đảng và Nhà nước luôn đề ra chủ trương đúng đắn, nhất quán, phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Những hạn chế, khuyết điểm:

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi chưa phát huy được vai trò, sức mạnh của nhân dân. Chưa đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để có chủ trương phù hợp. Chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích hợp pháp của các giai cấp, tầng lớp nhân dân chưa được kịp thời thể chế hóa, hoặc đã thể chế hóa nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có lúc, có nơi chưa sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở, còn có biểu hiện hành chính hóa, chưa thiết thực, hiệu quả.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm là do: Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức chưa thật sự tôn trọng, lắng nghe ý kiến để giải quyết kịp

(Phụ trương)

thời, có hiệu quả những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để thể chế hóa đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn thiếu và chưa đồng bộ.

Phương hướng, nhiệm vụ

Về phương hướng:

Kế thừa và phát triển quan điểm của Đảng được khẳng định từ các đại hội trước, Dự thảo văn kiện nêu: "Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo. Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam, tăng cường quan hệ máu thịt của nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc".

So với Đại hội XI, điểm mới trong Dự thảo văn kiện là nhấn mạnh: Phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân. Đây là nội dung quan trọng trong bài học thứ hai rút ra qua 30 năm đổi mới.

Về những nhiệm vụ, giải pháp:

Dự thảo nêu các nhóm nhiệm vụ, giải pháp lớn:

Một là, tiếp tục thể chế hóa và cụ thể hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát huy vai trò của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn của đất nước; khắc phục những hạn chế, bảo đảm tác dụng, hiệu quả thực chất hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Hai là, đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp ủy Đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân; tin dân, tôn trọng, lắng nghe những ý kiến khác; có hình thức, cơ chế, biện pháp cụ thể, thích hợp để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; trân trọng, tôn vinh những đóng góp, cống hiến của nhân dân (đây là nội dung mới).

2. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân

Dự thảo văn kiện đã đánh giá tình hình và nêu phương hướng, nhiệm vụ như sau:

Tình hình

Những kết quả nổi bật:

- Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được xác định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013 và trong hệ thống pháp luật. Khẳng định rõ các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm đối với xã hội. Ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân, ý thức về dân chủ trong xã hội được nâng lên. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có tiến bộ.

- Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền đã lắng nghe, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với nhân dân, tôn trọng các loại ý kiến khác nhau.

- Coi trọng chăm lo hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước ta ký kết.

Đạt được kết quả trên là do Đảng và Nhà nước coi trọng việc đề ra và tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật, quy chế, quy định mới nhằm phát huy hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Những hạn chế, khuyết điểm:

Nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương pháp luật trong xây dựng và thực hiện dân chủ còn tồn tại ở nhiều nơi. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực còn bị vi phạm. Có lúc, có nơi, việc thực hiện dân chủ còn hạn chế hoặc mang tính hình thức; có tình trạng lợi dụng dân chủ gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Những hạn chế, khuyết điểm trên do nhiều nguyên nhân: Hệ thống pháp luật, cơ chế, quy chế, tổ chức và các điều kiện để thực thi dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân còn thiếu và chưa đồng bộ. Không ít cấp ủy đảng, cơ quan Nhà nước, cán bộ, đảng viên chưa là tấm gương về phát huy dân chủ trong xã hội.

Phương hướng, nhiệm vụ

Phương hướng:

Dự thảo văn kiện nêu: Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân.

So với Đại hội XI, Dự thảo văn kiện nhấn mạnh: Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân.

Nhiệm vụ, giải pháp:

Một là, cụ thể hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Đảng và Nhà nước có cơ chế, chính sách bảo vệ và bảo đảm thực hiện tốt quyền con người, quyền công dân.

Hai là, thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát" (điểm mới là bổ sung nội dung "giám sát").

Ba là, để thực hiện dân chủ trong xã hội, trước hết phải bảo đảm phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội. Đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Dự thảo nhấn mạnh việc tổ chức thực hiện tốt các quy chế, quy định mới được ban hành: Tổ chức thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Quy định về giám sát đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các quy định, quy chế khác.

Bốn là, phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

II. HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Dự thảo đánh giá tình hình và nêu phương hướng, nhiệm vụ như sau:

1. Tình hình

Những thành quả nổi bật:

- Quan điểm và thể chế về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được bổ sung, hoàn thiện một bước quan trọng và cơ bản. Nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân có bước phát triển. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

- Nguyên tắc tổ chức quyền lực Nhà nước được quy định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013: Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của tổ chức bộ máy Nhà nước được xác định rõ hơn và có những bước tiến trong hoạt động. Vai trò của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước được xác định rõ hơn và trong tổ chức thực hiện đã có những bước tiến nhất định.

- Quốc hội có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động. Hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện. Hoạt động giám sát của Quốc hội đã tập trung vào những vấn đề bức thiết, quan trọng nhất của đất nước. Việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách Nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội có nhiều đổi mới về nội dung, phương pháp công tác; trách nhiệm của đại biểu Quốc hội được nâng cao hơn.

- Quản lý, điều hành của Chính phủ, các bộ tập trung hơn vào quản lý vĩ mô và năng động giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng và đạt kết quả tích cực bước đầu. Tổ chức thí điểm đổi mới về tổ chức chính quyền địa phương (không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường, chính quyền đô thị) được tập trung chỉ đạo và tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Nhiều chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách tư pháp được thể chế trong Hiến pháp, pháp luật và được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả quan trọng. Tổ chức bộ máy của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan bổ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn; chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, hạn chế oan, sai.

Những hạn chế, khuyết điểm:

- Chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực Nhà nước ở các cấp. Tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, hệ thống tư pháp còn những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả.

- Chưa khắc phục được sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực Nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước.

- Hệ thống pháp luật còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền; tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém.

- Cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà đang là rào cản lớn đối với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả cho sự phát triển.

- Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chậm đổi mới; hiệu lực, hiệu quả ở nhiều nơi chưa cao. Tính dân chủ và pháp quyền, trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền chưa được quy định rõ ràng.

(Phụ trương)

- Việc triển khai một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chậm; vẫn còn tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, tồn đọng án, bỏ lọt tội phạm, oan, sai.

- Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các cơ quan Nhà nước, trong đội ngũ cán bộ, công chức chưa đạt yêu cầu đề ra. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng.

Những hạn chế, khuyết điểm trên do nhiều nguyên nhân, trong đó nổi bật là: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là vấn đề mới đối với nước ta. Sự phân định giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước còn những nội dung chưa rõ; phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở các cấp còn những điểm chưa được chế định rõ và phù hợp với nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Phương hướng:

Tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng bộ máy Nhà nước tinh gọn, trong sạch, vững mạnh; hoàn thiện hệ thống pháp luật, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; phát huy dân chủ, tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tệ nạn xã hội và tội phạm.

Nhiệm vụ, giải pháp:

Một là, tiếp tục xác định xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn. Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới kinh tế.

Hai là, hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013, đáp ứng các đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Phân định rõ hơn vai trò và hoàn thiện cơ chế giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường.

Lãnh đạo việc đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống pháp luật theo các nguyên tắc được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân kiểm tra, giám sát quyền lực Nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực Nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực Nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, quy định rõ hơn cơ chế phối hợp trong việc thực hiện và kiểm soát các quyền ở các cấp chính quyền. Tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan Nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

Ba là, hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước.

- Về Quốc hội:

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất. Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao, nhất là đối với việc quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước.

Tổ chức thực hiện tốt Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, bảo đảm cơ cấu, nâng cao chất lượng đại biểu, tăng số lượng đại biểu chuyên trách một cách hợp lý.

Hoàn thiện cơ chế để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, nhất là hoạt động lập pháp, giám sát tối cao của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cơ chế giám sát, đánh giá đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

- Về Chính phủ:

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước theo hướng xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ nhân dân, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thiện thể chế hành chính dân chủ - pháp quyền, quy định trách nhiệm và cơ chế giải trình của các cơ quan Nhà nước; giảm mạnh và bãi bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Đề cao trách nhiệm và đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của cán bộ, công chức; đẩy nhanh việc áp dụng chính phủ điện tử.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Phân định rành mạch thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Tổ chức tòa án theo cấp thẩm quyền xét xử; bảo đảm nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, của đương sự.

Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp và được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của tòa án; tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra.

- Về chính quyền địa phương:

Trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương. Việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương gắn kết hữu cơ với đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp. Hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo luật định.

Bốn là, chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

- Đảng tập trung lãnh đạo về đường lối, chủ trương, xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách cụ thể. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện. Đây là giải pháp nhằm thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân. Mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; khắc phục chế độ đãi ngộ theo kiểu "bình quân".

- Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm trong các cơ quan Nhà nước và trong đội ngũ cán bộ, công chức.

III. XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Dự thảo văn kiện đã đánh giá tình hình và nêu phương hướng, nhiệm vụ như sau:

1. Tình hình

Đánh giá khái quát việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI:

Những kết quả nổi bật:

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XI của Đảng về công tác xây dựng Đảng, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã thảo luận và thống nhất rất cao việc ban hành Nghị quyết "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay".

Nhìn chung, các cấp ủy, tổ chức Đảng từ Trung ương đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp được đề ra trong Nghị quyết Trung ương 4. Quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, góp phần siết lại kỷ luật, kỷ cương, có tác dụng cảnh báo, răn đe, cảnh tỉnh và ngăn chặn các hành vi tiêu cực, tạo tiền đề đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, đưa tự phê bình và phê bình trở thành công việc thường xuyên trong Đảng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đã chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn, đổi mới lề lối làm việc; nghiêm khắc với mình hơn, giữ gìn đạo đức, lối sống; bước đầu tự sửa chữa khuyết điểm, tự điều chỉnh hành vi và các hoạt động trong công tác và trong cuộc sống của mình, của gia đình, vợ con và người thân.

Đã nhận dạng rõ hơn, sâu sắc hơn, cảnh báo và bước đầu ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên. Bước đầu kiềm chế, ngăn chặn tình trạng tham nhũng, lãng phí. Một số vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp đã được tập trung chỉ đạo điều tra, xét xử nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hoan nghênh, đồng tình, ủng hộ. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ được đẩy mạnh hơn. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 đã có tác động thúc đẩy đất nước vượt qua khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân.

Nguyên nhân của ưu điểm: Đạt được kết quả nêu trên là do Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI là chủ trương đúng đắn và kịp thời, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy, tổ chức Đảng các cấp tập trung chỉ đạo thực hiện với quyết tâm chính trị cao, chặt chẽ, cán bộ, đảng viên đồng tình, thống nhất cao và thực hiện nghiêm túc.

Những hạn chế, khuyết điểm:

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 chưa đạt kết quả như mong đợi. Trong quá trình chuẩn bị kiểm điểm, nhiều cấp ủy, tổ chức Đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị đóng góp ý kiến với cấp trên (nhất là cho cá nhân), chất lượng còn hạn chế. Một số đồng chí chưa nhìn nhận đúng mức khuyết điểm và trách nhiệm của mình trước những hạn chế, khuyết điểm trong lĩnh vực được giao phụ trách. Nhìn chung, khuyết điểm khá phổ biến là tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm. Trên một số vấn đề, qua kiểm điểm của cấp ủy, tổ chức Đảng các cấp từ Trung ương đến cơ sở vẫn chưa làm rõ thực chất, mức độ nghiêm trọng của tình hình, xảy ra ở đâu, ai chịu trách nhiệm, như: Tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tình trạng chạy chức, chạy tội, lợi ích nhóm... Một số quy định, quy chế để triển khai thực hiện nghị quyết chậm được ban hành, một số vụ việc phức tạp, gây bức xúc trong nhân dân chậm được xem xét, xử lý. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên bước đầu được ngăn chặn, nhưng chưa bị đẩy lùi. Công tác thông tin, tuyên truyền về thực hiện nghị quyết có lúc, có nơi chưa đầy đủ, kịp thời, chưa định hướng được dư luận.

Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm: Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên chủ yếu là do các vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay là những vấn đề quan trọng, khó và đã kéo dài nhiều nhiệm kỳ, chưa có những giải pháp đủ mạnh phù hợp để khắc phục, giải quyết.

Đánh giá về công tác xây dựng Đảng 5 năm qua:

Ưu điểm: Đánh giá chung, công tác xây dựng Đảng 5 năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng. Cụ thể như sau:

- Công tác xây dựng Đảng về chính trị trong tình hình mới tiếp tục được coi trọng. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới; chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc chủ quan, nóng vội. Coi trọng giữ vững bản chất giai cấp công nhân và các nguyên tắc hoạt động của Đảng. Năng lực hoạch định đường lối, chính sách có bước tiến bộ.

- Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng: Chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận có bước được nâng lên. Công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường, góp phần tạo sự thống nhất

(Phụ trương)

trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Tích cực đấu tranh với hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phản động; chủ động phòng ngừa, đấu tranh phê phán, ngăn chặn những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được đẩy mạnh hơn. Trong nhiệm kỳ đã tiến hành tổng kết 20 năm thực hiện Hiến pháp năm 1992; tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới và tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TW, ngày 28-3-1992 của Bộ Chính trị khóa VII về công tác lý luận...

- Xây dựng Đảng về đạo đức: Coi trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân trong cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đạt kết quả bước đầu quan trọng.

- Xây dựng Đảng về tổ chức: Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được sắp xếp, kiện toàn theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh phù hợp hơn. Chỉ đạo việc thực hiện thí điểm một số mô hình đổi mới về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương.

- Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, việc phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên đã được các cấp ủy, tổ chức Đảng tập trung chỉ đạo thực hiện, nhất là đối với những tổ chức cơ sở Đảng yếu kém, có nhiều khó khăn, những địa bàn trọng yếu, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; thu hẹp đáng kể tình trạng chi bộ sinh hoạt ghép hoặc chưa có chi bộ ở các thôn, ấp, bản, làng. Số đảng viên mới kết nạp là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, nữ, trí thức, học sinh, sinh viên, dân tộc thiểu số, tôn giáo, người lao động trong các thành phần kinh tế và chủ doanh nghiệp tư nhân tăng hơn so với khóa trước. Tuổi bình quân kết nạp Đảng trong nhiệm kỳ này trẻ hơn so với trước.

- Nhiều chủ trương, nguyên tắc, quan điểm, giải pháp lớn về công tác cán bộ được thể chế, cụ thể hóa bằng quy chế, quy định, quy trình bảo đảm dân chủ, chặt chẽ hơn. Thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm cán bộ, trọng tâm là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, được dư luận đồng tình, có tác dụng, hiệu quả. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ về cơ bản đã thực hiện theo quy hoạch. Tiến hành xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh chủ chốt của Đảng, Nhà nước. Quy định và thực hiện chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chức danh có tác dụng tốt.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp ủy, tổ chức Đảng quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đạt nhiều kết quả, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo đảm an ninh chính trị.

- Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng được tăng cường, có hiệu lực, hiệu quả hơn, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng; tham mưu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản của Đảng đồng bộ, phù hợp.

Đảng và Nhà nước đã thể hiện quyết tâm chính trị trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nhận thức về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được nâng lên trong các cấp ủy, các ngành, các cấp, các tổ chức trong hệ thống chính trị, trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân. Tiếp tục ban hành các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo và các đơn vị chuyên trách phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp được phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh, được dư luận đồng tình, ủng hộ, tạo sức mạnh răn đe, phòng ngừa tham nhũng.

- Công tác dân vận được quan tâm và có bước đổi mới cùng với việc ban hành, thực hiện nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Áp dụng nhiều hình thức vận động, tập hợp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động ngoại giao nhân dân và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới. Đã ban hành nhiều quy chế, quy định, quy trình công tác để thực hiện, bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là của Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc. Việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở có bước tiến bộ. Thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo đi đôi với phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Coi trọng việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức Đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; nói đi đôi với làm. Có những đổi mới trong việc ra nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong Đảng theo hướng giảm bớt thủ tục, giấy tờ, hội họp.

Với những kết quả quan trọng nêu trên, Đảng ta giữ vững được bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới. Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Nguyên nhân: Đạt được những kết quả đó là do Đảng ta luôn xác định nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt; đa số cán bộ, đảng viên có quan điểm, lập trường tư tưởng vững vàng, giữ vững phẩm chất đạo đức, vai trò tiên phong, gương mẫu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; thu hút sự tham gia của hệ thống chính trị và nhân dân vào việc chỉnh đốn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Những hạn chế, khuyết điểm:

Công tác xây dựng Đảng trong 5 năm qua còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Cụ thể như sau:

- Dự báo, hoạch định, lãnh đạo tổ chức thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước còn nhiều hạn chế. Việc thể chế hóa, xây dựng chương trình hành động và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng chưa kịp thời, đồng bộ, cụ thể và hiệu quả chưa cao. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức Đảng còn thấp, thậm chí có nơi mất sức chiến đấu; công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên ở một số nơi chưa được quan tâm thường xuyên, chất lượng sinh hoạt Đảng chưa cao, tự phê bình và phê bình yếu.

- Chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận chưa cao. Chậm khắc phục có hiệu quả những hạn chế của công tác tư tưởng như thiếu sắc bén, chưa thuyết phục. Đấu tranh chống âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phản động, phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" còn bị động, hiệu quả chưa cao. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới.

- Việc triển khai thực hiện nội dung các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng về rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ, đảng viên chưa thực sự tích cực, đồng bộ, thường xuyên, một số nơi thực hiện chưa nghiêm túc. Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chưa đều, chưa đi vào chiều sâu ở nhiều ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; một số nơi thực hiện còn mang tính hình thức.

- Tổ chức bộ máy của Đảng và toàn hệ thống chính trị còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc; chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức còn chồng chéo; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhiều tổ chức trong hệ thống chính trị chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; thẩm quyền, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu chưa rõ. Mô hình tổ chức Đảng ở một số lĩnh vực chưa thật hợp lý, nhất là ở các tập đoàn, tổng công ty...

- Việc kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan, tổ chức Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức kết quả còn thấp. Số lượng cán bộ, công chức không những không giảm mà lại tăng, nhất là ở các đơn vị sự nghiệp công lập và công chức, cán bộ chuyên trách, không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn. Việc đổi mới công tác cán bộ chưa có đột phá lớn. Đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu nhất qua nhiều nhiệm kỳ nhưng chưa có những tiêu chí cụ thể và giải pháp khoa học để khắc phục. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Đội ngũ cán bộ cấp Trung ương, cấp chiến lược chưa được tập trung xây dựng. Chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu, tư vấn cấp chiến lược. Công tác quy hoạch ở một số nơi còn khép kín, chưa bảo đảm sự liên thông, gắn kết. Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo và cấp ủy là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, việc luân chuyển bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo không phải là người địa phương thực hiện chưa đạt yêu cầu. Những hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ là một trong những điểm yếu, cản trở sự phát triển.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ có mặt còn hạn chế; những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có xu hướng diễn biến phức tạp trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong xã hội. Không ít cán bộ, đảng viên có những biểu hiện dao động, mất phương hướng, hoài nghi về vai trò lãnh đạo của Đảng, về mục tiêu, lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đã xuất hiện những việc làm và phát ngôn vô nguyên tắc, trái với Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ Đảng ở một số cán bộ, đảng viên.

- Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý tổ chức Đảng và đảng viên vi phạm chưa cao, chưa đủ sức góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ Đảng. Nhiều khuyết điểm, sai phạm của tổ chức Đảng, đảng viên chậm được phát hiện, kiểm tra, xử lý, hoặc xử lý kéo dài, nên kỷ cương, kỷ luật ở một số nơi chưa nghiêm; chưa phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát.

- Công tác dân vận còn nhiều mặt hạn chế. Việc xây dựng, nhất là triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận còn chưa kịp thời, kém hiệu quả; chưa đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, thành phần dân cư, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân... để có chủ trương, chính sách và biện pháp phù hợp.

- Nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp chưa thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt mục tiêu, yêu cầu. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp, nhiều ngành, làm cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bức xúc trong dư luận, là thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn chậm, nhất là việc cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011); phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có những nội dung còn lúng túng. Chưa xác định rõ nội dung và phương thức cầm quyền. Chưa thật sự phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu trước nhân dân. Chưa khắc phục được tình trạng ban hành nhiều nghị quyết, nhưng có một số nội dung thiếu tính khả thi, chưa tính kỹ nguồn lực và điều kiện thực hiện. Chưa thật tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết; một số nghị quyết chậm đi vào cuộc sống. Còn có biểu hiện quan liêu, cửa quyền, chưa thực sự sâu sát thực tế, cơ sở. Tình trạng nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít chậm được khắc phục.

Những hạn chế, khuyết điểm trên đây làm cho Đảng ta chưa thật sự trong sạch, vững mạnh, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ (Đại hội XI nhận định "làm giảm lòng tin của nhân

(Phụ trương)

dân đối với Đảng và Nhà nước").

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm là do xây dựng Đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là vấn đề mới và khó, phải vừa làm, vừa tìm tòi, tổng kết rút kinh nghiệm để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện. Chậm đổi mới tư duy về công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới. Nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất một số vấn đề quan trọng ở tầm quan điểm, chủ trương. Chưa thật sự phát huy dân chủ trong Đảng, phát huy vai trò giám sát, tham gia của nhân dân vào công tác xây dựng Đảng. Việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương về xây dựng Đảng chưa nghiêm, còn thiếu các biện pháp cụ thể, khả thi. Nhiều cấp ủy Đảng và bí thư cấp ủy chưa đầu tư đúng mức thời gian, công sức cho công tác xây dựng Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiện toàn tổ chức, đổi mới công tác cán bộ thiếu đồng bộ, kiên quyết, hiệu quả thấp.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Phương hướng:

Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu của Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đẩy mạnh công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận, công tác kiểm tra, giám sát và công tác dân vận của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ Trung ương đến cơ sở nghiêm túc, tự giác và có kế hoạch, biện pháp phù hợp để khắc phục, sửa chữa những yếu kém, khuyết điểm.

Nhiệm vụ, giải pháp:

Một là, xây dựng Đảng về chính trị

- Kế thừa nhiệm vụ, giải pháp của Đại hội XI, Dự thảo văn kiện tiếp tục khẳng định: Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; không dao động trong bất cứ tình huống nào. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

So với Đại hội XI, Dự thảo văn kiện bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp mới sau:

Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng có hiệu lực, hiệu quả; bản lĩnh chính trị của Đảng, của các tổ chức Đảng, của cán bộ, đảng viên.

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển.

Hoàn thiện cơ chế, quy chế và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc tự phê bình, phê bình, chất vấn trong các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy các cấp. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

Hai là, đổi mới công tác tư tưởng, lý luận

Dự thảo văn kiện nêu những nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng; đẩy mạnh tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả (so với Đại hội XI, Dự thảo văn kiện nhấn mạnh "phù hợp với từng đối tượng theo hướng cụ thể, thiết thực, hiệu quả").

- Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" (so với Đại hội XI, Dự thảo văn kiện nhấn mạnh "ngăn chặn, đẩy lùi" những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"). Tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phản động; chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch.

- Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng; đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là những chuyên gia đầu ngành; nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, đáp ứng yêu cầu mới (đây là nhiệm vụ, giải pháp mới so với Đại hội XI).

- Thực hiện nền nếp việc bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương (đây là nhiệm vụ, giải pháp mới so với Đại hội XI). Tiếp tục đổi mới hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo hướng nâng cao chất lượng, chú trọng tính hiệu quả và phù hợp với từng đối tượng.

Ba là, tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng

- Đưa việc thường xuyên giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức thành một nội dung quan trọng trong mục tiêu xây dựng Đảng: "Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức" (đây là nhiệm vụ, giải pháp mới so với Đại hội XI).

Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức Đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị, gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Dự thảo văn kiện nhấn mạnh: Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, bè phái, "lợi ích nhóm", nói không đi đôi với làm.

- Xây dựng và thực hiện tốt các quy định để phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối công tác của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát của tổ chức Đảng, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân về phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên (đây là nhiệm vụ, giải pháp mới so với Đại hội XI).

Bốn là, tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị

- Tiếp tục đổi mới bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xác định rõ quan hệ giữa tập thể lãnh đạo với cá nhân phụ trách; quyền hạn đi đôi với trách nhiệm và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

- Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương.

- Nghiên cứu thực hiện thí điểm hợp nhất một số cơ quan Đảng và Nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ. Chủ trương này đã có từ Hội nghị Trung ương 9 khóa XI. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI đã chỉ rõ: Nghiên cứu xây dựng và thực hiện thí điểm một số đề án, trong đó có đề án nhất thể hóa một số tổ chức và chức danh lãnh đạo Đảng, chính quyền ở cấp xã, huyện, tỉnh.

- Phát triển chủ trương của Đại hội XI, Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17-4-2015 của Bộ Chính trị, Dự thảo văn kiện xác định: Thực hiện chủ trương quản lý biên chế thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị. Tinh giản tổ chức, bộ máy gắn với tiếp tục phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các tổ chức; thực hiện kiêm nhiệm một số chức danh và tinh giản biên chế trong toàn hệ thống chính trị. Cơ bản thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp. Sớm tổng kết mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện ở những nơi có đủ điều kiện.

Năm là, kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên

Dự thảo văn kiện xác định:

- Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở Đảng, nhất là tổ chức Đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Kiện toàn tổ chức, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở.

- Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, gần dân, sát dân, có trách nhiệm cao trong công việc, có phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác quản lý, phát triển, sàng lọc đảng viên, bảo đảm chất lượng; kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tổng kết việc thực hiện Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân và việc thí điểm kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

Sáu là, đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Về đổi mới công tác cán bộ: Dự thảo văn kiện xác định:

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Dự thảo văn kiện nhấn mạnh: Thể chế hóa, cụ thể hóa các nguyên tắc về: Quan hệ giữa đường lối chính trị và đường lối cán bộ; quan điểm giai cấp và chính sách đại đoàn kết rộng rãi trong công tác cán bộ; quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu; giữa đức và tài; giữa kế thừa và phát triển; giữa sự quản lý thống nhất của Đảng với phát huy đầy đủ trách nhiệm của các cơ quan trong hệ thống chính trị; giữa thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân và tập thể; giữa phân cấp, phân quyền và kiểm tra, giám sát, kiểm soát để thực hiện thống nhất, đồng bộ trong Đảng và hệ thống chính trị.

Tiếp tục ban hành và thực hiện các quy định, quy chế, cơ chế trong công tác cán bộ bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và chặt chẽ giữa các khâu, liên thông giữa các cấp; trong đó có quy chế về việc đánh giá đúng đắn, khách quan đối với cán bộ, để có cơ sở sử dụng, bố trí cán bộ, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng chạy chức, chạy tuổi, chạy bằng cấp... Tăng tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, cấp ủy là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ.

Đổi mới bầu cử trong Đảng, phương thức tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ... để lựa chọn những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm giữ các vị trí lãnh đạo, đặc biệt là người đứng đầu. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Có cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài.

- Về công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Nhiệm vụ trọng tâm của công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong giai đoạn hiện nay là bảo vệ Cương lĩnh, Điều lệ Đảng; bảo vệ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; bảo vệ Hiến pháp và pháp luật; bảo vệ cán bộ, đảng viên về mặt chính trị. Gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, "lợi ích nhóm", gây mất đoàn kết trong Đảng.

Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên phát ngôn, tuyên truyền, tán phát tài liệu trái Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

(Phụ trương)

Bảy là, đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng

Kế thừa và phát triển những nhiệm vụ, giải pháp của Đại hội XI, Dự thảo văn kiện xác định:

- Tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng.

- Đổi mới, tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ; xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức Đảng, đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những hành vi dung túng, bao che cho khuyết điểm, vi phạm của tổ chức Đảng và đảng viên, công khai kết quả xử lý. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức Đảng, tổ chức Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không để người thân trong gia đình lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.

Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, các tổ chức Đảng ở các cơ quan Nhà nước, các đơn vị kinh tế và các lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, phương pháp, quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại trong Đảng; hoàn thiện cơ chế và nâng cao chất lượng phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức Đảng và cơ quan liên quan.

- Nghiên cứu việc tăng thẩm quyền kiểm tra, thi hành kỷ luật Đảng cho ủy ban kiểm tra các cấp.

Tám là, tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân

Đại hội XI chưa có mục riêng về công tác dân vận. Xuất phát từ vị trí, vai trò của công tác dân vận trong tình hình mới, Dự thảo văn kiện có mục riêng về công tác dân vận.

- Củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân; tập hợp, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân, tạo thành phong trào cách mạng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận trong điều kiện phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thật sự tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân. Giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, những kiến nghị chính đáng của nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Kịp thời thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật phù hợp với thực tiễn và đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ", nhất là nội dung nhân dân làm chủ và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát".

- Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước. Thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Chín là, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Trong Văn kiện Đại hội XI, vấn đề đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được đề cập trong mục nội dung về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Dự thảo văn kiện lần này trình bày cả trong nội dung về xây dựng Nhà nước và trong nội dung về xây dựng Đảng.

Nhiệm vụ, giải pháp:

- Xác định đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài; là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, và của toàn bộ hệ thống chính trị. Kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí với yêu cầu chủ động phòng ngừa, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho các hành vi tham nhũng, lãng phí, can thiệp, ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để bảo đảm công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí có hiệu lực, hiệu quả, nhất là trong các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao như: Quản lý và sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản; thu, chi ngân sách, mua sắm công, tài chính, ngân hàng, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; công tác cán bộ; quản lý doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp cổ phần có vốn Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; giáo dục, đào tạo và y tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tạo sự thống nhất, tự giác, quyết tâm cao trong hành động.

- Kiên quyết xử lý và kịp thời thay thế những cán bộ lãnh đạo, quản lý tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm minh trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí trong tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương mình trực tiếp quản lý, các cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm về kê khai và minh bạch tài sản, thu nhập; kiên quyết thu hồi tiền, tài sản bị tham nhũng. Đồng thời, đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, chính sách nhà ở bảo đảm cuộc sống cho cán bộ, đảng viên, công chức để góp phần phòng, chống tham nhũng.

- Kiên quyết, kiên trì xây dựng cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng; cơ chế răn đe, trừng trị để không dám tham nhũng.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan có chức năng đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Xây dựng cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn quan hệ "lợi ích nhóm"; chống đặc quyền, đặc lợi, khắc phục "tư duy nhiệm kỳ"; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

- Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng và của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Mười là, đổi mới phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng

- Tiếp tục tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền, xác định rõ mục đích cầm quyền, phương thức cầm quyền, nội dung cầm quyền, điều kiện cầm quyền; vấn đề phát huy dân chủ trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền; các nguy cơ cần lưu ý phòng ngừa đối với Đảng cầm quyền. Đây là nhiệm vụ, giải pháp mới.

- Kế thừa và phát triển các nhiệm vụ, giải pháp của Đại hội XI, Dự thảo văn kiện nêu: Nâng cao hiệu quả thực hiện và tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, đặc biệt là đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật, lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tôn trọng nguyên tắc hiệp thương dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu lực và hiệu quả.

- Tiếp tục cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể. Quy định rõ hơn Đảng phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình; về quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu và mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức Đảng với người đứng đầu, bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của người đứng đầu và cơ chế xử lý đối với người đứng đầu khi vi phạm. Quy định rõ hơn thẩm quyền và trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và Ban Thường vụ cấp ủy các cấp. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền; có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý thống nhất của Trung ương (đây cũng là nhiệm vụ, giải pháp mới so với Đại hội XI).

- Coi trọng xây dựng văn hóa trong các tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, trong hệ thống chính trị mà nội dung quan trọng là tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo trong hệ thống tổ chức của Đảng; đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở, xây dựng phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng việc xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước. Dự thảo văn kiện nhấn mạnh: Nghị quyết phải thiết thực, ngắn gọn, khả thi; phải tính đến cân đối các nguồn lực và điều kiện bảo đảm triển khai thực hiện có hiệu quả; phân công rõ trách nhiệm tổ chức, cá nhân, thời hạn hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp được ghi trong nghị quyết. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, dứt điểm việc cụ thể hóa, thể chế hóa, tổ chức thực hiện nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; đổi mới cách thức quán triệt, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, bảo đảm tính hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, khắc phục những thủ tục rườm rà, bất hợp lý, giảm bớt giấy tờ, giảm mạnh hội họp.

Dự thảo Báo cáo chính trị đã xác định sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XII:

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, cần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững; đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả sáu nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

2. Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

3. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động. Thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ), cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước, cơ cấu lại ngân sách Nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

4. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

5. Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân; chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

6. Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội; bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội. ❑

(Phụ trương)